

CUỘC ĐỜI NGÀI RĀHULA

Theo Bước Từ Phụ



Hướng dẫn: Hòa Thượng Kim Triệu Khippapañño

Soạn dịch: Thitasīla Thùy Khanh

Hiệu đính: Ban Biên Tập Tháp Hòa Bình



Hoàng tử Rāhula cung kính chấp tay bạch Đức Thế Tôn:

“Bạch Sa môn, xin Ngài trao cho con gia tài của con.”

Đấng Từ Phụ Sākyamuni nghĩ: “Con muốn gia tài của cha, nhưng tài sản trong thế gian mong manh và đầy phiền não. Như Lai sẽ trao cho con bảy tài sản cao quý của bậc thánh mà Như Lai đã thành đạt dưới Cội Bồ Đề. Như Lai sẽ hướng dẫn và hộ trợ cho con làm chủ một gia tài siêu thế.”

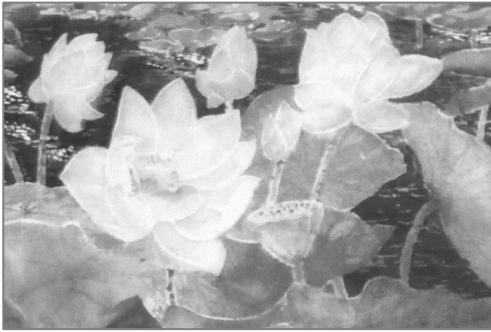
Về đến tịnh cốc, Đức Thế Tôn dạy Đại đức Sāriputta:

“Này Sāriputta, con hãy cho Rāhula làm lễ xuất gia.”

SANTI STUPA
THÁP HÒA BÌNH
1180 Roberts Avenue
San Jose, CA 95122

SÁCH ẤN TỔNG
MÙA LỄ VU LAN 2017

Thành kính dâng lên Ngài
HÒA THƯỢNG KIM TRIỆU KHIPPAPAÑÑO
với tất cả lòng biết ơn của chúng con



CUỘC ĐỜI NGÀI RĀHULA

Theo Bước Từ Phụ

Hướng dẫn: Hòa Thượng Kim Triệu Khippapañño

Soạn dịch: Thitasīla Thùy Khanh

Hiệu đính: Ban Biên Tập Tháp Hòa Bình

Hiệu đính

Mai Liên • Nguyên Khiêm • Tâm Tường

Liên lạc • Thông tin

Nguyên Khiêm

Tài chánh

Dương Trang • Liên Như • Nam Tôn

Trình bày

Giới Nghiêm

Minh họa

U Ba Kyi • Anh Thư • Thiện Duyên • Image courtesy of
Wikimedia Commons, Shutterstock & Clipart Library

Tranh bìa

Theo Bước Từ Phụ

Ben Thi Nguyễn

ẤN TỔNG

THÁP HÒA BÌNH • SANTI STUPA

1180 Roberts Avenue

San Jose, CA 95122

Mùa Vu Lan 2017

Phật Lịch 2561

Namo Tassa
Bhagavato Arahato
Sammāsambuddhassa



Con đem hết lòng thành kính
đảnh lễ Đức Thế Tôn
Bậc A La Hán cao thượng
Đấng Chánh Biến Tri

Mục Lục

Lời Giới Thiệu	5
Lời Ngỏ	6
Chữ Viết Tắt	7
Tri Ân	8

CUỘC ĐỜI NGÀI RĀHULA

<i>Lời Mở Đầu</i>	13
<i>Gia Tài Của Vương Phụ</i>	17
<i>Sợi Dây Trói Buộc</i>	25
<i>Trói Buộc Từ Tiền Kiếp</i>	31
<i>Các Mối Liên Hệ Khác Từ Tiền Kiếp</i>	49
<i>Gia Tài Của Từ Phụ</i>	73
<i>Phẩm Hạnh Bạc Xuất Gia</i>	85
<i>Pháp Bảo Cho Rāhula</i>	103
<i>Một Đệ Tử Xuất Gia Tối Thắng</i>	133
<i>Lời Kết</i>	139
Cúng Dường Tam Bảo	145
Hùn Phước Ấn Tống	146
Hội Hương Công Đức	149
Liên Lạc và Thỉnh Sách	151

Lời Giới Thiệu

~ Hòa Thượng Kim Triệu Khippapañño ~

Phật tử nào đã từng học qua cuộc đời của Đức Phật chắc hẳn đều biết đến tên Hoàng tử Rāhula (La Hầu La), người con trai duy nhất của Đức Bồ Tát đã theo cha sống đời phạm hạnh từ năm mới lên bảy tuổi.

Có nhiều giai thoại kỳ thú trong các chuyện tiền thân, nhiều bài kinh kệ đáng ghi nhớ về nhân duyên xuất gia, về phẩm hạnh cao quý, cũng như về quá trình trau dồi giới đức và trí tuệ của ngài Rāhula do chính sự rèn luyện của Đức Thế Tôn và các vị đại đệ tử Phật.

Sư hoan hỷ tiếp nhận tác phẩm ấn tống đầu tay này của Tháp Hòa Bình, nơi thờ phượng nhỏ bé thô sơ mới thành lập nhưng có cố gắng tu học theo Giáo Pháp Nguyên Thủy. Sư cầu mong cuốn sách nhỏ này thắp sáng thêm niềm tin vào Tam Bảo cho các Phật tử xa gần đang thực tập các lời dạy chân truyền của Đức Thế Tôn.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Lời Ngỏ

~ Ban Biên Tập Tháp Hòa Bình ~

Do phước duyên được Hòa Thượng Kim Triệu nhận hướng dẫn tinh thần và đặt tên chùa là Tháp Hòa Bình (Santi Stupa) với ý nghĩa mộc mạc là nơi Phật tử đến tu học trong khung cảnh bình dị an lành, thiện tín ở đây hằng mong được xem là đứa con út ít trong mối liên hệ gần gũi thân thương ấy và dưới sự dạy bảo của vị cha lành đang soi đường dẫn lối bằng chính thân giáo hiền hòa trong sáng của Ngài.

Với niềm mong ước đó, Tháp Hòa Bình xin thành kính dâng lên Ngài và các bạn đạo khắp nơi cuốn sách ấn tống đầu tiên này, mở đầu cho chương trình góp nhặt các lời dạy nguyên thủy đúng theo con đường Đức Bổn Sư đã vạch ra mà chúng con nguyện bước theo.

Trong tâm từ,
Mùa Vu Lan 2017

CHỮ VIẾT TẮT

AN	Āṅguttara Nikāya	Tăng Chi Bộ Kinh
A.	Aṭṭhakathā	Chú Giải
Dhp.	Dhammapada	Kinh Pháp Cú – Tập thứ 2 trong Tiểu Bộ Kinh
DN	Dīgha Nikāya	Trường Bộ Kinh
Jāt.	Jātaka	Chuyện Tiền Thân Đức Phật, Kinh Bốn Sanh
Mil.	Milindapañha	Mi Tiên Vấn Đáp
MN	Majjhima Nikāya	Trung Bộ Kinh
SN	Saṃyutta Nikāya	Tương Ứng Bộ Kinh
Sn.	Sutta Nipāta	Kinh Tập – Tập thứ 5 trong Tiểu Bộ Kinh
Thag.	Theragāthā	Trưởng Lão Tăng Kệ
Vin.	Vinaya Piṭaka	Tạng Luật

TRI ÂN

Phần chính các chi tiết trong cuốn sách này được trích, dịch hay tham khảo từ Kinh Điển Pāli của Phật giáo Nguyên Thủy *Theravāda* mà đa số kinh văn dựa theo các bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu và đối chiếu thêm với bản Anh ngữ của Bhikkhu Bodhi.

Một số chi tiết khác dựa theo các tài liệu tham khảo và sách Phật học của chư vị Cao Tăng và học giả Phật giáo dưới đây, đặc biệt là cuốn *Wheel Publication No. 33 – Advice to Rāhula*, nhưng được biên soạn để thống nhất và tương ứng với nguồn Kinh Điển Pāli nêu trên.

Ban Biên Tập Tháp Hòa Bình xin thành kính tri ân chư vị tác giả, soạn giả, dịch giả của các kinh sách và tài liệu dưới đây đã là nguồn tham khảo quý báu về kinh điển và thuật ngữ Phật giáo cho cuốn sách nhỏ này.

Và hơn tất cả, chúng con xin thành kính đánh lễ, nương tựa, và tri ân Tam Bảo: Đức Thế Tôn kính yêu, Pháp Bảo vô thượng mà đáng Ân Sư đã để lại cho chúng con, và Tăng Bảo cao quý.

KINH ĐIỂN PĀLI

Trung Bộ Kinh (Majjhima Nikāya)
 Tương Ưng Bộ Kinh (Saṃyutta Nikāya)
 Tăng Chi Bộ Kinh (Aṅguttara Nikāya)
 Kinh Tập (Sutta Nipāta)

Kinh Pháp Cú (Dhammapada)
 Trưởng Lão Tăng Kệ (Theragāthā)

Bản Anh ngữ: Bhikkhu Bodhi

Bản Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Châu

Kinh Bản Sanh hay Chuyện Tiền Thân Đức Phật
 (Jātaka)

*Bản Anh ngữ: H.T. Francis, E.B. Cowell & W.H.D.
 Rouse*

*Bản Việt dịch: Hòa Thượng Thích Minh Châu và
 Nguyên Tâm Trần Phương Lan*

Kinh Mi Tiên Vấn Đáp (Milinda Pañha)

Bản Việt dịch: Hòa Thượng Giới Nghiêm

Luật Tạng (Vinaya Piṭaka)

Bản Việt dịch: Tỳ khưu Indacanda Nguyệt Thiên

Luật Xuất Gia Tóm Tắt (Pabbajita Vinaya Saṅkhepa)

Soạn giả: Hòa Thượng Hộ Tông Vansarakkhita

TÀI LIỆU THAM KHẢO & SÁCH PHẬT HỌC

Wheel Publication No. 33

Advice to Rāhula – Four Discourses of the Buddha

Buddhist Publication Society • Sri Lanka

Tác giả: Bhikkhu Nārada, Bhikkhu Manhinda, Bhikkhu

Nyanaponika Thera, Bhikkhu Kassapa Thera, E.M.

Hare

Đức Phật và Phật Pháp

Nguyên tác: The Buddha and His Teachings

Tác giả: Bhikkhu Nārada Mahā Thera

Bản Việt dịch: Phạm Kim Khánh

Đường Xưa Mây Trắng

Tác giả: Thiền Sư Thích Nhất Hạnh

Cuộc Đời Đức Phật

A Young People's Life of The Buddha

Bản Anh ngữ: Bhikkhu Sīlacāra

Buddhist Dictionary of Pāli Proper Names

Palikanon Website - The Pāli Text Society

CUỘC ĐỜI NGÀI RĀHULA

Theo Bước Từ Phụ

LỜI MỞ ĐẦU

Hai năm trước khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (*Sākyamuni*) nhập Niết bàn, vương tộc Sākya¹ của Ngài đã phải chịu một kết thúc bi thảm và hầu hết thân quyến tại gia của Đức Phật bị tàn sát. Lúc bấy giờ, để báo thù cho một mối sỉ nhục giai cấp và huyết thống, vua Vidūdabha xứ Kosala xua đại quân tiến về lãnh thổ Kapilavatthu², quê hương của Đức Thế Tôn, với quyết tâm tiêu diệt vương tộc Sākya.

Biết trước được việc này, Đức Phật đứng đợi vua Vidūdabha dưới một cội cây cần cỗi và thưa bóng mát, trong lãnh thổ quê hương, sát biên giới xứ Kosala. Cạnh đó, ngay giữa biên giới, có một cây đa xum xuê râm mát. Vua Vidūdabha tuy oán hận vương tộc Sākya nhưng vẫn một lòng tôn kính Đức Phật. Trông thấy Ngài đứng bên cội cây thưa lá giữa trời nắng gắt, vua xuống ngựa đánh lễ và

¹ Thích Ca

² Ca Tỳ La Vệ

thỉnh Ngài sang tĩnh tọa dưới gốc cây đa. Đức Phật nói:

“Đại vương đừng bận tâm. Bóng mát của thân quyền giữ mát cho Như Lai.”

Vua Vidūdabha cảm động trước ngụ ý câu nói của Đức Phật nên truyền lệnh lui quân. Tuy nhiên, mỗi thù khó tan, vua lại truyền lệnh tiến binh. Nhưng ba lần xua quân, ba lần vua đều trông thấy Đức Phật đứng dưới cội cây cần cỗi ấy, và rồi vua lại lui quân. Tuy nhiên, đến lần thứ tư thì Đức Phật không can thiệp nữa vì Ngài biết đã đến lúc vương tộc Sākya phải trả một nghiệp nặng đã gieo trong kiếp quá khứ.

Bóng mát thân quyền cũng từng được Hoàng tử Rāhula (La Hầu La) – người con duy nhất của Đức Bồ Tát³ trong kiếp cuối – cảm nhận năm lên bảy tuổi, vào lần đầu tiên trong đời được đến gần bên cha, và đã bạch Đức Phật:

“Bạch Sa môn, cái bóng của Ngài khiến cho con thật mát mẻ an vui.”

Nhưng câu nói của cậu bé ngây thơ Rāhula

³ *Bodhisatta*: tên gọi được dùng để chỉ cho Đức Phật khi còn trên con đường tìm cầu giác ngộ giải thoát trong các tiền kiếp cho đến khi chứng đắc quả vị Phật trong kiếp cuối.

không có ngụ ý như trong câu nói phát xuất từ lòng từ bi của Đức Thế Tôn. Rāhula hồn nhiên thốt lên câu nói ấy với tâm ngập tràn hỷ lạc khi lần đầu tiên được thọ hưởng bóng mát phụ tử tình thâm của người cha thân yêu và bóng mát tâm từ vô lượng (*mettā-appamaññā*) của một bậc Giác Ngộ, đấng Từ Phụ, người Cha Lành cao quý nhất của muôn loài.

Và rồi từ giây phút đó cuộc đời ngài Rāhula đi vào khúc quanh mới: theo bước Từ Phụ.



GIA TÀI CỦA VƯƠNG PHỤ

Hơn hai ngàn năm trăm năm trước, trên vùng biên giới Nepal và Bắc Ấn, có một vương quốc nhỏ bé là nơi cư ngụ của chủng tộc Sākya. Vua Suddhodana⁴, dòng dõi Gotama⁵, trị vì vương quốc ấy và lập kinh đô ở thành Kapilavatthu. Ngài thuộc giai cấp chiến sĩ, vốn là giai cấp cao quý nhất trong hoàng tộc.

Công chúa xứ Koliya, Mahāmāyā⁶, là hoàng hậu triều Vua Suddhodana và là một vị hoàng hậu nhân hậu và đức hạnh hiếm có trên đời. Hằng vun bồi công đức *pāramī*⁷ qua hằng trăm ngàn kiếp trước nên đến kiếp sống này từ lúc còn tấm bé hoàng hậu đã giữ tròn ngũ giới.

Vào một ngày trai tịnh⁸ hoàng hậu nằm mộng thấy một con voi trắng từ trên trời xuống, vòi quấn

⁴ Tịnh Phạn

⁵ Cồ Đàm

⁶ Ma Da

⁷ Ba-la-mật

⁸ Không ăn quá ngọ và giữ tâm thanh tịnh

một đóa sen trắng, và nhẹ nhàng đi vào người bà giữa tiếng nhạc từ cõi trời và lời chúc tụng của chư thiên. Hoàng hậu thức giấc trong một niềm hạnh phúc hân hoan kỳ diệu chưa bao giờ trải qua trong đời. Bà khẽ chạm vào vùng bụng bên phải, nơi thiên tượng đã đi vào người bà, và thấy trong lòng chợt mang một tình thương yêu mới mẻ, đậm sâu mà bình an và thanh khiết lạ thường. Đó là tình mẫu tử dành cho Đức Bồ Tát mà bà chưa biết đó là gì để gọi tên.

Hoàng hậu kể cho quốc vương nghe giấc mộng của mình. Dù chưa biết đó là điềm gì, nhưng vua cũng vui theo niềm an lạc lây lan của người vợ hiền yêu mến. Vào buổi sáng, vua triệu tập các vị đạo sĩ bà-la-môn nổi tiếng vào hoàng cung để giải mộng cho hoàng hậu. Các vị đều đoán rằng hoàng hậu sẽ hạ sanh một hoàng nam xuất chúng. Và từ giây phút ấy tình phụ tử thâm sâu và niềm hạnh phúc được làm cha đã nảy sanh trong lòng Vua Suddhodana.

Gần đến ngày khai hoa nở nhụy, hoàng hậu xin quốc vương cho phép về quê hương của mình để sanh con theo phong tục thời bấy giờ. Vua hoan hỷ chấp thuận.

Rồi vào một ngày trăng tròn tháng Vesākha⁹, khi xứ Ấn đang trong mùa cây lá xanh tươi, hoa sālā¹⁰ nở rộ, hoàng hậu lên đường về quê hương. Đi được nửa đường thì hoàng hậu cho dừng kiệu ở lâm viên Lumbini¹¹ để nghỉ ngơi dưới bóng mát của những cây sālā trĩu hoa thơm ngát. Nhưng không bao lâu sau, khi đang đi dạo trong lâm viên, hoàng hậu lâm bồn và hạ sanh một bé trai.

Chuyến hồi hương nay không cần thiết nữa nên hoàng hậu trở về kinh thành Kapilavatthu.

Được tin hoàng hậu hồi cung cùng với đưa con trai sơ sanh đầu lòng, vua vội vã đến thăm. Nỗi vui mừng của một người cha lúc ấy không bút mực nào tả xiết. Vua bồng thái tử trong tay, âu yếm nhìn đứa con bé bỏng mà lòng rộn ràng hân hoan mơ tưởng đến ngày thái tử đăng quang và tiếp nối dòng dõi chiến sĩ anh hùng của hoàng tộc.

Tin lành thái tử chào đời đến tai Asita¹², một vị trưởng lão đạo sĩ hiền đức mà vua luôn tôn kính và tín cẩn. Đạo sĩ xuống núi, vào kinh thành viếng thăm cậu bé sơ sanh. Thấy mặt cậu bé, ông chấp

⁹ Trong khoảng tháng tư đến tháng năm dương lịch

¹⁰ Hoa vô ưu

¹¹ Lâm Tỳ Ni

¹² A Tư Đà

tay cung kính đánh lễ và tiên đoán rằng, khi trưởng thành, thái tử sẽ đăc quả vị Phật và trở thành một vị tôn sư vĩ đại nhất thế gian – một tiên đoán mà đức vua hoàn toàn không muốn trở thành sự thật.

Theo phong tục thời bấy giờ, vào ngày thứ năm sau khi thái tử chào đời, Vua Suddhodana triệu tập tám vị hiền trí bà-la-môn đến để chọn tên cho con. Tên được chọn là Siddhattha¹³, có nghĩa là một người được thành tựu mỹ mãn mọi ước muốn trong bất cứ lãnh vực nào.

Các vị trí nhân chọn tên như vậy do tiên đoán rằng đây không phải là một cậu bé tầm thường vì cậu sẽ trở thành một vị chuyển luân thánh vương vĩ đại nhất thế gian hoặc là một vị Phật, bậc Chánh Đẳng Chánh Giác¹⁴. Thế nhưng Kondañña¹⁵, vị trí nhân trẻ tuổi và thông thái nhất trong tám vị, đoán chắc rằng khi cậu bé lớn khôn sẽ từ bỏ đời thế tục, đi tìm Chân Lý và trở thành một vị Phật. Lời ông nói y hệt như lời tiên đoán của đạo sĩ Asita.

Thoạt tiên vua rất hài lòng vì những lời tiên đoán rằng con trai của mình sau này sẽ trở thành một vĩ nhân. Nhưng niềm vui của vua không trọn

¹³ Tất Đạt Đa

¹⁴ *Sammā-sambuddha*

¹⁵ Kiều Trần Như

vẹn mỗi khi nghĩ nhớ đến lời quả quyết của Asita và Kondañña.

Vua không khỏi bâng khuâng lo lắng khi nghĩ rằng thái tử có thể không nối ngôi vua mà sẽ xuất gia, trở thành một đạo sĩ. Sống đời vương giả từ tấm bé, thật tình vua Suddhodana không thể hình dung rõ ràng được như thế nào là đời sống cao quý của một khất sĩ. Vua cũng không thể hiểu được vì sao một người từng nắm vương quyền, sống trong nhung gấm từ thuở lọt lòng, với bao thể nữ xinh đẹp hầu hạ bên mình, lại có thể bỏ tất cả để sống đời ăn dật, thanh đạm, khổ hạnh, và có lẽ rất cô độc. Ôi, với ngài đó là khổ cảnh!

Có người cha nào lại muốn con mình đi vào con đường đau khổ?

Lòng người cha vương giả mong muốn thái tử sẽ mãi mãi hưởng thụ hương hoa và mật ngọt của đời thế tục trong cung vàng điện ngọc, rồi kết hôn, rồi sanh con nối chầu cho dòng dõi Sākya, rồi một ngày kia thừa hưởng gia tài vĩ đại nhất của phụ vương là được nối ngôi trị quốc. Còn nữa, biết đâu đến một lúc nào đó con của mình sẽ trở thành một vị chuyển luân thánh vương, một đại đế lừng lẫy nhất trong lịch sử của toàn xứ Ấn.

Cứ như thế vua Suddhodana dặt mộng đòi cho đứa con yêu và tự nhủ sẽ dùng tất cả vương quyền và cách thức khôn khéo nhất để bảo đảm giấc mộng ấy được thành sự thật.

Tin lành chưa được đón mừng trọn vẹn thì hung tin đã đến. Sau khi hạ sanh Siddhattha, Hoàng hậu Mahāmāyā lâm trọng bệnh và lìa đời chỉ hai hôm sau ngày lễ đặt tên cho con, nghĩa là bảy ngày sau khi sanh nở.

Thương con sớm mồ côi mẹ và suy nghĩ cặn kẽ đến việc an nguy của vị thái tử sơ sanh, Vua Suddhodana trao trọng trách nuôi dưỡng đứa con thơ cho em gái của Hoàng hậu Mahāmāyā là Công nương Mahāpajāpati Gotami¹⁶ và tấn phong công nương lên ngôi hoàng hậu... bởi vì “sẩy cha còn chú, sẩy mẹ bú dì.” Từ đó dì Gotami chăm sóc Siddhattha, nuôi thái tử bằng những giọt sữa của chính mình¹⁷, và hết lòng thương yêu thái tử như đứa con ruột thịt.

Thái tử Siddhattha lớn lên trong sang giàu

¹⁶ Di Mẫu Kiền Đàm

¹⁷ Gotami là mẹ của Hoàng tử Nanda. Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh (AA.i.186) ghi rằng Nanda sanh sau Thái tử Siddhattha vài ngày, và Hoàng hậu Gotami đã giao Nanda cho nữ mẫu bú mớm để hoàng hậu có thể nuôi Siddhattha bằng sữa mẹ của chính mình.

quyền quý của hoàng cung. Thế lực, tư chất, trí tuệ, và phẩm hạnh của thái tử xuất chúng từ thuở bé. Thế nhưng, với lòng bi mẫn bao la biểu lộ từ tuổi ấu thơ, thái tử sớm có những suy tư khác ngoài về cuộc đời và thường trang nghiêm trầm tư mặc tưởng.

Biết con như vậy, Vua Suddhodana ngày càng lo lắng. Những lời tiên tri năm xưa về vận mạng xuất thế của đứa con yêu cứ ám ảnh lòng vương phụ. Vua tìm mọi cách lay chuyển tâm ý của thái tử ra khỏi những dòng suy tư lạ thường mà không chóng thì chày có thể sẽ thúc đẩy thái tử thoát lìa đời thế tục, bỏ ngôi vàng, bỏ phụ vương mà sống đời khát sĩ không nhà, bước vào một con đường mà vua nghĩ là con đường đau khổ.

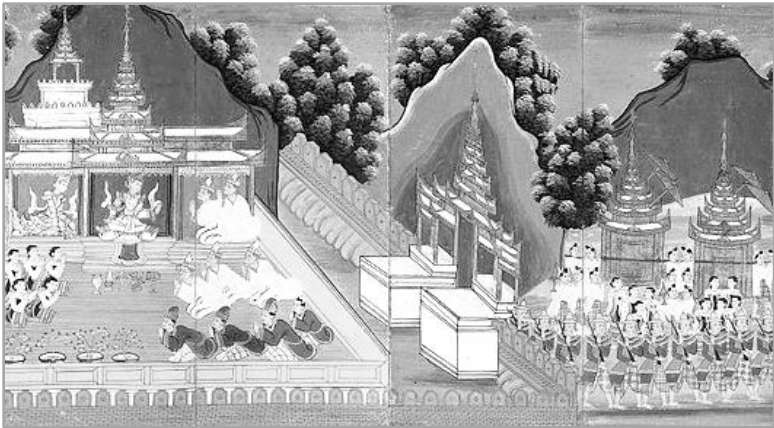
Để chiếm cứ tâm tư của thái tử và ràng buộc Ngài vào đời thế tục, năm thái tử lên mười sáu Vua Suddhodana đã sớm cho thái tử kết hôn cùng Công chúa Yasodharā¹⁸ xinh đẹp và đức hạnh.

Vua truyền xây ba cung điện nguy nga tráng lệ để đôi vợ chồng vương giả cùng thọ hưởng hạnh phúc thế gian. Trong những cung điện đó chỉ có những cung nữ và hầu cận đang tuổi thanh xuân,

¹⁸ Da Du Đà La

mạnh khỏe và tươi vui. Vua truyền lệnh cấm họ nói với thái tử bất cứ điều gì có hình ảnh tuổi già, bệnh tật, và chết chóc hay kể cho thái tử nghe những chuyện buồn phiền oan trái của nhân gian. Tất cả khổ đau của cuộc đời đều được che dấu, nằm phía bên kia sau một bức tường cao dày bao quanh cung điện và ngự viên.

Làm được như vậy, vua yên tâm rằng rồi một ngày không xa sẽ trao cho con phần gia tài cao quý nhất của bậc vương phụ: ngai vàng và giang sơn.



Kinh thành Kapilavastu

SỢI DÂY TRÓI BUỘC



Qua nhiều năm Thái tử Siddhattha đã sống một đời khép kín trong xa hoa vương giả và hạnh phúc thế gian. Thế nhưng dù khổ đau của cuộc đời được khuất lấp bên kia bức tường dày cao của hoàng cung, vị thái tử trẻ vẫn thường thoáng buồn và hay trầm tư mặc tưởng. Ngài tha thiết muốn biết đến những cảnh đời ở ngoài kia. Hết dịp này qua dịp nọ, Ngài khẩn cầu phụ vương cho phép xuất cung du hành đây đó.

Dù không hiểu rõ nỗi lòng của người con yêu, nhưng Vua Suddhodana biết rằng Siddhattha không được vui trọn vẹn như vua cha hằng mong mỏi. Vua phân vân mãi về lời cầu xin của thái tử. Cho hay không cho việc xuất cung? Cảnh khổ đời thường phơi bày trước mắt có sẽ khiến người con đầy lòng từ ái và bi mẫn của ngài chọn con đường tu hành để cứu nhân độ thế? Hay ngược lại nó sẽ

làm thái tử chán ngán, sợ hãi cảnh thiếu thốn đói nghèo của dân giả mà quyết định chọn con đường vương giả, lên ngôi và nối dõi tông đường? Vua nghĩ mãi không ra...

Rồi đến một ngày vua không còn có thể chịu đựng được phải thấy mãi nỗi buồn trong đôi mắt của con yêu. Vua cho phép thái tử xuất cung, và dĩ nhiên trước đó vua phải sắp xếp chuẩn bị cho từng bước đường du hành của con. Vua truyền nghiêm lệnh rằng tất cả ngõ ngách kinh thành phải được giữ sạch sẽ và tươi đẹp. Không những vậy, những người già hay bệnh tật không được ra đường phố và không một tang lễ nào được cử hành cho đến khi thái tử hồi cung.

Chuyến xuất cung đầu tiên đã làm đẹp lòng cả hai cha con: không một cảnh khổ thế gian nào lọt vào mắt thái tử. Thế nhưng, dù chuẩn bị chu đáo đến đâu thì dần dần, sau nhiều lần xuất cung, thái tử cũng đã nhìn thấy tận mắt các cảnh khổ của chúng sanh – tuổi già, bệnh tật, cái chết. Thái tử còn biết được rằng không gì có thể ngăn cản được những khổ đau đó, không một ai – dù là thường dân hay hoàng tộc – có thể tránh thoát được khi nó đến. Hạnh phúc thế gian chỉ như bong bóng nước

mưa, mỏng manh và không trường tồn.

Ngài càng buồn bã trầm tư hơn trước, lòng trĩu nặng ước mong tìm được phương cách cứu giúp muôn loài thoát khỏi mọi khổ cảnh.

Rồi một ngày nọ trên đường đến vườn ngự uyển, thái tử gặp một vị đạo sĩ đắp y vàng đơn sơ đạm bạc nhưng dáng vẻ thư thái an nhiên và phong cách nghiêm trang cao quý. Hình ảnh đó khiến tâm Ngài rung động. Khi biết đó là một vị khát sĩ không nhà, sống đời thanh tịnh để tìm con đường diệt khổ, lòng thái tử bừng lên nỗi vui mừng đã tìm được hướng đi cho mình. Ngài đi vào vườn ngự uyển, lòng thơ thới hân hoan nghĩ đến quyết định thoát ly thế tục, tìm cầu quả vị vô sanh bất tử để cứu độ chúng sanh.

Trong lúc ý nguyện xuất gia đang khẩn thiết thôi thúc thì thái tử nhận được tin Công chúa Yasodharā vừa hạ sanh một hoàng nam, đưa con đầu lòng của hai vị. Sanh con trai đầu lòng lẽ ra là tin mừng lớn cho một người cha, nhưng Thái tử Siddhattha không lộ vẻ mừng vui quá đỗi. Đó bởi vì Ngài không phải là một người cha thường.

Với con chim cái kiến mà thái tử còn thương xót, huống chi là đứa con ruột thịt. Thế nhưng vì là

Đức Bồ Tát nên Ngài đã hằng mang hạnh nguyện xuất gia từ tiền kiếp. Trong tâm Ngài, hình ảnh thanh thoát an nhiên của vị khát sĩ hiện hiện như một cánh cửa của chiếc lồng vàng vừa hé mở cho một con chim hằng khao khát tự do. Nhưng đũa con mới chào đời đang đe dọa sẽ khép lại cánh cửa ấy, như một gông cùm của vòng tục lụy, một ràng buộc ngăn cản ý nguyện xuất gia để tìm con đường giải thoát khổ đau cho chúng sanh, và vì vậy Ngài thốt lên:

“*Rāhula jāto, bandhanam jātam* – Một sợi dây trói buộc đã ra đời, một xiềng xích đã ra đời.”

Chính vì lời than này mà vị hoàng tử sơ sanh được ông nội, Vua Suddhodana, đặt tên là Rāhula – nghĩa là sợi dây trói buộc hay gông cùm siết chặt – vì vua đã nói sẽ chọn tên cho cháu nội đích tôn dựa vào lời thốt đầu tiên của thái tử khi được báo tin mừng¹⁹.

Thế nhưng sợi dây trói buộc ấy đã không cản

¹⁹ Có một nguồn tài liệu khác (*Mūlasarvāstivāda Vinaya*, bản Luật Tăng lưu truyền ở các nước vùng Himalāya) cho rằng tên Rāhula được đặt theo tên thần Rāhu, vua của các thần atula, khi hiện ra thì thường che khuất ánh sáng của mặt trăng và mặt trời, và vì vậy tượng trưng cho sự ô nhiễm, trở ngại. Tên đặt như vậy có thể vì hiện tượng nguyệt thực hay nhật thực đã được dự đoán sẽ xảy ra vào ngày sanh của Rāhula.

trở được chí nguyện xuất gia của Thái tử Siddhattha. Không những vậy, chính sợi dây trói buộc đó đã là mối duyên lành thôi thúc thái tử phải quyết định ngay ngày hôm ấy. Ngài biết giờ thoát ly thế tục đã đến.

Vào giữa khuya hôm ấy, thái tử lặng lẽ vào cung điện của Yasodharā để nhìn mặt người vợ hiền và đưa con sơ sanh thương yêu trước khi lên đường. Khi Ngài vén rèm nhìn vào thì công chúa đang yên giấc bên cạnh Rāhula, và cánh tay công chúa che ngang đầu đứa bé. Thái tử tự nhủ:

“Nếu ta kéo tay nàng ra để nhìn rõ khuôn mặt Rāhula e nàng thức giấc rồi sẽ ngăn cản ta rời bỏ hoàng cung. Không, ta không nên đánh thức nàng dậy cho dù không được nhìn thấy mặt con thơ trước khi ra đi. Đến khi nào đạt được ước nguyện, ta sẽ về đây thăm lại phụ vương, nàng và con.”



Rồi thái tử lặng lẽ rời cung điện, bỏ lại sau lưng tất cả những người thân yêu, trong đó có Rāhula: đứa con đầu lòng và duy nhất, sợi dây ràng buộc đã sanh ra đời vào đúng ngay ngày thái tử xuất gia²⁰. Năm đó thái tử vừa tròn hai mươi chín tuổi.

²⁰ Theo Chú Giải Tăng Chi Bộ Kinh (AA.i.82), Rāhula sanh vào ngay ngày Đức Bồ Tát xuất gia. Có một nguồn tài liệu khác (Phụ Chú Giải Jātaka 62) kể rằng Ngài xuất gia bảy ngày sau khi Rāhula chào đời.

TRÓI BUỘC TỪ TIỀN KIẾP



Không phải chỉ ở kiếp này mà trong nhiều tiền kiếp Đức Bồ Tát đã chiêm nghiệm về những xiềng xích của đời thế tục và, vì vậy, quyết chí xuất gia, đi tìm con đường giải thoát khỏi vòng sanh tử khổ đau cho tất cả chúng sanh.

Cũng trong nhiều tiền kiếp ngài Rāhula từng là một sợi dây trói buộc Đức Bồ Tát qua tình phụ tử, và có những lần trong các tiền kiếp đó, Đức Bồ Tát biết được đã đến lúc cởi bỏ sợi dây trói buộc ấy để tìm cầu giác ngộ và hạnh phúc cao thượng của quả vị vô sanh bất tử.

Mối liên hệ phụ tử này được thuật lại trong một số Chuyện Tiền Thân Đức Phật hay Kinh Bản Sanh (*Jātaka*²¹).

²¹ *Jātaka*: tập thứ tư trong Tiểu Bộ Kinh

CHUYỆN NHỮNG SỢI TÓC BẠC (TIỀN THÂN MAKHĀDEVA)²²

Đức Phật kể lại câu chuyện sau về hạnh xả ly của mình. Hôm ấy, ở tịnh xá Jetavana²³, chư tỳ khuru ngồi tán thán về cuộc xuất gia lịch sử của bậc Giác Ngộ. Khi các thầy đang đàm luận, Đức Bôn Sư bước vào chánh điện, ngồi xuống bảo tòa, rồi từ tốn hỏi:

“Này chư tỳ khuru, các con đang đàm luận việc gì?”

“Bạch Thế Tôn, chúng con đang tán thán hạnh cắt ái ly gia của Thế Tôn.”

Đức Phật dạy:

“Không phải đến kiếp này Như Lai mới xuất gia, từ bỏ mái gia đình và đời thế tục. Trong nhiều kiếp trước, Như Lai cũng đã ra đi như vậy rồi.”

Rồi đấng Từ Phụ kể câu chuyện tiền thân sau.

Xưa kia Mithilā là lãnh thổ của Vua Makhādeva, một vị minh quân đức độ, sống theo Chánh Pháp, trị vì theo Chánh Pháp, và hành trì lễ

²² Chuyện Tiền Thân Đức Phật, *Jātaka* số 9

²³ Tịnh xá Kỳ Viên

Bồ tát²⁴.

Sau nhiều trăm ngàn năm tuổi thọ, một hôm vua căn dặn người thợ cắt tóc:

“Này khanh, khi nào thấy tóc bạc mọc trên đầu trăm thì hãy báo cho trăm biết.”

Một thời gian sau, khi cắt tóc cho vua, người thợ cắt tóc thấy sợi tóc bạc đầu tiên trên đầu ngài. Ông liền cung kính thưa cho vua rõ. Vua ôn tồn nói với người thợ:

“Khanh hãy nhổ sợi tóc bạc ấy và đặt trên bàn tay trăm.”

Người thợ cắt tóc tuân lệnh vua. Lúc ấy, tuổi thọ của vua còn tám mươi bốn ngàn năm. Thế nhưng khi nhìn thấy sợi tóc bạc, ngài rúng động tâm can, như thể thần chết đang đứng đe dọa kề bên, hay như bị giam hãm trong một căn nhà lá đang bốc cháy. Ngài tự than trách:

“Si mê thay hỡi Makhādeva! Tóc bạc đã mọc trên đầu mà người vẫn chưa loại trừ được phiền não ô trược của người.”

Và càng nghĩ đến sự xuất hiện của sợi tóc bạc, vua càng như đang bị nung cháy trong tâm. Mồ hôi đầm ướt thân ngài. Chiếc long bào như bó

²⁴ Uposatha: ngày lễ tụng đọc giới

chặt và bức chế ngài đến không thể chịu nổi nữa.

“Ngay hôm nay,” vua nghĩ, “ta sẽ xuất gia sống đời sa môn phạm hạnh.”

Sau khi thưởng tiền của cho người thợ cắt tóc, vua truyền gọi người con trai đầu lòng và nói với con:

“Con thân yêu, tóc bạc đã bắt đầu hiện trên đầu phụ vương. Ta già rồi. Dục lạc thế gian ta từng hưởng thụ. Giờ đây ta muốn tìm cầu nguồn hạnh phúc siêu thế. Nay đã đến lúc ta xuất gia. Con hãy thay ta trị vì vương quốc này. Sau khi xuất gia, ta sẽ ẩn cư nơi rừng núi và hành trì theo hạnh của bậc sa môn.”

Rồi Vua Makhādeva truyền ngôi lại cho vị thái tử, căn dặn con phải trị vì theo Chánh Pháp, và khi thấy tóc bạc xuất hiện thì cũng hãy làm như vua cha: trao ngai vàng lại cho người con trưởng để xuất gia tu tập. Sống như vậy thì sẽ được sanh vào cõi Phạm thiên khi mệnh chung, và, trong ngày vị lai, đó sẽ là mối duyên lành để dứt khỏi những ô nhiễm ngủ ngầm trong tâm.

Thái tử lên ngôi vua và lấy đức độ trị vì vương quốc theo đúng lời phụ vương khuyên dạy. Rồi khi thấy tóc bạc xuất hiện trên đầu thì ngài cũng làm

như vua cha ngày xưa: trao ngai vàng lại cho người con trưởng để xuất gia tu hành. Truyền thống này trải qua nhiều đời vua của xứ Mithilā.

Trong câu chuyện này, Vua Makhādeva là tiền thân của Đức Phật, người thợ cắt tóc là tiền thân của ngài Ānanda, và người con trai đầu lòng của vua là tiền thân của ngài Rāhula.

CHUYỆN NHÀ TÙ TRÓI BUỘC
(TIỀN THÂN BANDHANĀGARA)²⁵

Đức Phật kể câu chuyện này về trói buộc hữu hình của xiềng xích trong nhà tù và trói buộc vô hình của tham ái.

Vào một thời khi Đức Phật đang ngụ tại tịnh xá Jetavana, có một đảng trộm cướp, giết người bị bắt giữ. Vua xứ Kosala truyền lệnh giam họ vào nhà tù và trói siết họ lại bằng dây thừng, gông cùm và xích sắt.

Ngày kia có ba mươi vị tỳ khuru từ miền thôn dã đến viếng thăm và đánh lễ Đức Bổn Sư. Hôm sau, trên đường đi khất thực, chư vị đi ngang nhà

²⁵ Chuyện Tiền Thân Đức Phật, *Jātaka* số 201

tù và nhìn thấy các tên trộm cướp ấy. Chiều hôm ấy, sau khi trở về tịnh xá, chư vị trình lại với Đức Phật những gì đã chứng kiến và hỏi:

“Bạch Thế Tôn, hôm nay trong khi đi trì bình, chúng con thấy một số tội phạm bị trói buộc, xiềng xích trong nhà tù, thật khốn khổ. Họ không thể bẻ gãy gông cùm để chạy trốn. Bạch Thế Tôn, có sự trói buộc nào mạnh mẽ hơn cả những trói buộc ấy không?”

Đức Phật trả lời:

“Này chư tỳ khưu, đó quả thật là một trói buộc. Thế nhưng những trói buộc vô hình của tham ái, dính mắc với tài sản, thực phẩm, gia đình, vợ con còn mạnh hơn trăm lần, ngàn lần nữa. Tuy nhiên ngay cả những trói buộc của tham ái, dẫu mạnh mẽ đến thế, cũng từng bị chặt đứt, bẻ gãy bởi các bậc thiện trí thuở xưa, khi họ quyết chí xuất gia và sống đời ẩn sĩ phạm hạnh.”

Rồi Đức Bôn Sư kể câu chuyện tiền thân sau.

Thuở xưa, khi xứ Bārānasī²⁶ nằm dưới sự trị vì của vua Brahmadata, Đức Bồ Tát là một người con hiếu thảo sanh ra trong một gia đình nghèo

²⁶ Xứ Ba-la-nại

khổ. Khi Ngài lớn khôn thì người cha qua đời. Ngài đi làm thuê để nuôi mẹ.

Là Bồ Tát, Ngài hằng mang hạnh nguyện xuất gia tu hành trong tâm từ bao tiền kiếp. Vì vậy Ngài không muốn lập gia đình. Nhưng mặc cho Bồ Tát không bằng lòng, mẹ Ngài vẫn buộc Ngài phải lấy vợ.

Không bao lâu sau, mẹ Ngài cũng qua đời. Người vợ có thai. Không biết vợ mình đang mang thai, Bồ Tát nói với nàng hạnh nguyện của mình sau khi đã tròn chữ hiếu:

“Hiền thê, nàng hãy tìm việc làm để nuôi thân. Tôi sẽ xuất gia tu hành.”

Người vợ dịu dàng thưa với chồng:

“Em đang mang thai. Xin chàng chờ em sanh xong, nhìn mặt con, rồi hãy đi tu.”

Bồ Tát thuận lời yêu cầu của người vợ. Khi nàng sanh xong, Bồ Tát nói:

“Hiền thê, nàng đã sanh xong. Mẹ tròn con vuông an lành. Nay tôi sẽ xuất gia.”

Người vợ lại khẩn khoản cầu xin:

“Con vẫn còn bú sữa mẹ. Xin chàng chờ cho con bỏ sữa rồi hãy đi.”

Nhưng rồi người vợ lại có thai.

Bồ Tát suy nghĩ: “Nếu ta nhận lời yêu cầu của vợ lần nữa, ta sẽ không bao giờ thực hiện được ý nguyện. Ta sẽ âm thầm ra đi, sống đời ẩn sĩ.” Và như vậy, lần này Bồ Tát ra đi không nói trước cho người vợ biết.

Vào giữa khuya, Bồ tát quyết tâm rời bỏ mái gia đình, lặng lẽ đi vào miền rừng núi Himalāya²⁷, sống đời ẩn sĩ độc cư phạm hạnh, nỗ lực và chuyên cần thiền tập.

Sau giờ thiền một ngày nọ, với tâm trong sáng an tịnh, Bồ Tát suy nghĩ: “Sợi dây trói buộc của luyến ái vợ con, của mê đắm dục vọng, tuy mềm dịu mà mạnh mẽ và khó chặt đứt thay. Nhưng nay nó đã bị chặt đứt rồi!”

Kể xong câu chuyện, Đức Thế Tôn giảng về Tứ Diệu Đế: khổ, nguyên nhân của khổ, sự chấm dứt khổ, và con đường đưa đến diệt khổ.

Rồi Ngài giải thích các tiền thân: người mẹ của Bồ Tát là Hoàng hậu Mahāmayā, người cha là Vua Suddhodana, người vợ là Công nương Yasodharā, và người con trai là Đại đức Rāhula. Còn vị xuất gia, trở thành ẩn sĩ là tiền thân của Đức Phật.

²⁷ Miền rừng núi Tuyết Sơn

CHUYỆN NGƯỜI THỢ GỖM
(TIỀN THÂN KUMBHAKĀRA)²⁸

Đức Phật kể câu chuyện này về việc khiển trách lỗi lầm của chư Tăng để giáo huấn về sa môn hạnh. Câu chuyện còn kể lại ý nguyện xuất gia, từ bỏ mọi ràng buộc của đời tại gia của Đức Bồ Tát.

Vào thời gian này Đức Phật đang ngụ tại tịnh xá Jetavana ở Sāvatti²⁹.

Với lòng bi mẫn và tha tâm thông, Đức Bồ Tát tận tụy quan sát tâm các đệ tử trong tịnh xá sáu lần mỗi ngày: ba lần vào ban đêm và ba lần vào ban ngày, trông nom và canh chừng tâm họ kỹ lưỡng như con chim với ổ trứng đang ấp, như con bò với cái đuôi, như bà mẹ với đứa con yêu quý, như người chột với con mắt còn lại. Làm như vậy Ngài có thể lập tức thấy được lỗi lầm trong tâm các đệ tử sa môn ngay khi vừa sanh khởi để kịp thời khiển trách và giáo huấn họ.

Ở tịnh xá Jetavana lúc ấy có năm trăm người bạn cùng xuất gia tu tập. Một ngày nọ, vào lúc nửa đêm, dục tưởng khởi sanh trong tâm họ. Khuya hôm ấy Đức Bồ Tát quan sát tịnh xá và biết được tâm tưởng bất tịnh của các sa môn này. Ngài nghĩ:

²⁸ Chuyện Tiền Thân Đức Phật, Jātaka 408

²⁹ Xá vệ

“Lỗi làm này nếu nảy nở trong Tăng chúng sẽ hủy hoại đời sa môn phạm hạnh. Ta sẽ khiển trách lỗi làm này ngay bây giờ và khuyên nhắc, chỉ dạy cho họ giới hạnh trong sạch thanh cao của một vị sa môn.”

Rồi trong đêm khuya, Đức Phật rời hương thất và truyền Trưởng lão Ānanda triệu tập chư Tăng đang cư trú ở tịnh xá. Khi đại chúng đã tề tựu, Đức Phật nghiêm nghị giảng dạy:

“Này chư tỳ khuru, sống dưới mãnh lực của các dục tưởng tội lỗi làm mê là không chân chánh. Một lỗi làm nhỏ khi lớn mạnh sẽ có sức hủy hoại kinh hoàng như một kẻ thù địch hung tàn. Mỗi sa môn phải biết tự khiển trách lỗi làm của mình dù nhỏ nhất đến đâu. Các bậc thiện trí ngày xưa do thấy rõ được những mầm mống thật nhỏ của nhân duyên nên kịp thời khiển trách mọi dục tưởng khi chúng chỉ vừa khởi sanh trong tâm, và do vậy chúng đắc quả vị Độc Giác Phật.”

Dạy xong, Đức Thế Tôn kể một chuyện xưa.

Xưa, xưa lắm, khi vua Brahmadata trị vì xứ Bārānasī, Bồ Tát sanh vào một gia đình thợ gốm ở vùng ngoại ô. Đến tuổi trưởng thành, Ngài lập gia đình, có hai người con, một trai và một gái, và nuôi dưỡng vợ con với nghề gốm của mình.

Cùng thời ấy, vua Karaṇḍu cai trị vương quốc Kālīṅga. Một ngày nọ, trong lúc dạo chơi vườn thượng uyển, vua Karaṇḍu chợt thấy ở cổng vườn một cây xoài nặng trĩu quả thơm ngọt. Vua hái một chùm xoài để ăn và ban vài trái cho các cận thân. Thấy vậy, cả triều thần và dân chúng ở quanh đó nghĩ rằng ai cũng nên làm theo. Họ trèo lên cây, lấy gậy đập cành để xoài rụng, và tham lam hái hết xoài, không chừa cả những trái còn non.

Sau một ngày vui chơi trong ngự viên, đến chiều vua về ngang cây xoài. Thấy cây bị đập phá như vậy, vua trầm tư: “Mới sáng nay cây xoài này còn tươi đẹp và trĩu quả mà giờ đây tả tơi và trụi trái. Những kẻ ngắm nhìn nó đã không thỏa mãn được lòng tham của họ nếu chỉ ngó suông.”

Nhìn thấy một cây xoài khác không có trái ở bên cạnh, vua suy nghĩ: “Cây xoài này vẫn tươi tốt vì không có trái gọi lòng tham kẻ đi ngang. Nó như ngọn núi trọc ẩn chứa báu vật. Cây xoài kia do trĩu quả thơm ngon nên mang họa vào thân. Đồi tại gia giống như cây có trái; đồi xuất gia giống như cây không quả. Người có của hay sợ mất của; người không có của thì không sợ mất. Ta nay muốn sống thanh thoi, an nhiên như cây không trái này.”

Lấy chuyện cây sanh trái làm đề mục hướng tâm, vua quán sát ba đặc tính của các pháp hữu vi:

vô thường, khổ, vô ngã. Căn duyên viên mãn, ngài đắc quả vị Độc Giác Phật dưới gốc xoài. Ngài từ bỏ ngai vàng, đi về miền rừng núi Tuyết Sơn³⁰, và sống đời sa môn ẩn dật nơi ấy.

Cũng vào thời ấy, Vua Naggaji trị vì vương quốc Candahar. Một ngày nọ, khi đang ngự trên vương sàng, vua trông thấy một cung nữ đeo mỗi bên cườm tay một vòng ngọc và ngồi xay hương liệu ở gần đó. Vua nghĩ: “Các vòng ngọc này không va chạm hay phát tiếng kêu khi để rời nhau.” Một lát sau, nàng cởi chiếc vòng bên tay phải đeo vào tay trái và dùng tay phải nhặt hương liệu để xay tiếp. Chiếc vòng bên tay trái chạm vào chiếc vòng kia, gây ra tiếng động.

Vua quan sát hai chiếc vòng gây âm thanh khi cọ xát vào nhau, và suy ngẫm: “Vòng ấy khi để riêng thì không va chạm vật gì cả và yên lặng, nay đụng vào vòng thứ hai thì gây tiếng động. Người ta cũng vậy, khi tách biệt thì không đụng chạm và không huyên náo, còn khi hai hay ba người kề cận nhau thì sanh náo động. Còn ta, ta cai trị hàng ngàn thần dân. Nay ta cũng nên sống độc cư như chiếc vòng đơn độc để có thể sáng suốt an trị chính mình và không trị vì ai khác nữa.”

Lấy chuyện hai chiếc vòng va chạm nhau làm

³⁰ Himalāya

đề mục hương tâm, vua quán sát ba đặc tính của các pháp hữu vi: vô thường, khổ, vô ngã. Căn duyên viên mãn, ngài đắc quả vị Độc Giác Phật trên vương sàng. Ngài từ bỏ ngai vàng, đi về miền rừng núi Tuyết Sơn, và sống đời sa môn ẩn dật nơi ấy.

Vương quốc Videha thì được Vua Nimi cai trị. Sau một buổi điếm tâm ở hoàng cung, vua đứng nhìn xuống đường phố qua một cánh cửa sổ rộng mở. Kìa một con chim diều hâu vừa bay vút lên trời sau khi chụp được một miếng thịt từ hàng thịt ở chợ. Vài con chim kên kên lập tức vây quanh con diều hâu, dùng mỏ nhọn mổ nó, lấy cánh đập nó, và dương chân xòe móng nhọn đập nó để dành miếng thịt. Không muốn bị chúng giết, diều hâu đành nhả miếng thịt. Một con kên kên chụp lấy. Đàn kên kên lập tức rời diều hâu để tấn công con kên kên kia. Nó cũng đành phải bỏ miếng thịt. Một con kên kên khác chụp lấy để rồi cũng bị đàn kên kên mổ đập.

Vua nhìn bầy chim và suy nghĩ: “Ai lấy miếng thịt, khổ nguy đến với kẻ ấy; ai bỏ miếng thịt, an lành đến với kẻ ấy. Ai thọ hưởng năm dục lạc, khổ đau đến với kẻ ấy; ai từ bỏ năm dục lạc, hạnh phúc đến với kẻ ấy. Ta có mười sáu ngàn cung nữ luân phiên hầu hạ bên ta ngày đêm. Đã đến lúc ta phải

từ bỏ ngũ dục để tìm cầu hạnh phúc cao thượng, như điều hâu nhả bỏ miếng thịt.”

Lấy chuyện con chim điều hâu làm đề mục hướng tâm, vua quán sát ba đặc tính của các pháp hữu vi: vô thường, khổ, vô ngã. Căn duyên viên mãn, ngài đắc quả vị Độc Giác Phật bên khung cửa sổ hoàng cung. Ngài từ bỏ ngai vàng, đi về miền rừng núi Tuyết Sơn, và sống đời sa môn ẩn dật nơi ấy.

Còn Vua Dummukha thì trị vì vương quốc Uttarapāncāla. Sau một buổi điếm tâm ở hoàng cung, vua đứng nhìn xuống ngự viên qua cửa sổ. Lúc ấy cửa chuồng bò mở toang. Trong chuồng các con bò đực đang động lòng ham muốn, chạy theo một con bò cái. Một con bò đực lực lưỡng với hai sừng nhọn hoắt nổi cơn ghen tức khi thấy một con đực khác chạy đến và lập tức dùng sừng đâm vào hông con kia. Bị húc quá mạnh, con bò thứ hai đổ ruột và ngã chết trong chuồng.

Thấy cảnh tượng này, vua suy nghĩ: “Chúng sanh từ súc vật trở lên đều hứng chịu khổ đau vì sức mạnh của dục vọng. Con bò này vì dục vọng ham muốn mà đi đến cái chết. Mọi loài khác cũng đang bị lửa dục gây đau khổ phiền lụy. Ta nay phải đoạn lìa thứ dục vọng đang quấy phá và gây ô nhiễm cho mọi chúng sanh này.”

Lấy chuyện con bò đực làm đề mục hướng tâm, vua quán sát ba đặc tính của các pháp hữu vi: vô thường, khổ, vô ngã. Căn duyên viên mãn, ngài đắc quả vị Độc Giác Phật bên khung cửa sổ hoàng cung. Ngài từ bỏ ngai vàng, đi về miền rừng núi Tuyết Sơn, và sống đời sa môn ẩn dật nơi ấy.

Rồi một hôm, trên rừng Tuyết Sơn, bốn vị Độc Giác Phật cùng quán căn cơ chúng sanh để tùy thời trợ duyên lành trên con đường giải thoát. Rồi bốn vị khoác y, mang bát, rời hang cốc, và hạ sơn đi khát thực hóa duyên ở ngoại ô xứ Bārānasī.

Bốn vị Phật Độc Giác đi mãi cho đến khi dừng lại trước cửa nhà người thợ gốm, Đức Bồ Tát. Bồ Tát hoan hỷ cung kính mời chư vị vào nhà để cúng dường nước trong và thực phẩm. Sau đó Ngài đánh lễ và kính cẩn hỏi từng vị:

“Bạch ngài, đời tu hành của ngài hiển lộ thật tốt đẹp. Các căn thanh tịnh, làn da trong sáng, vẻ mặt an nhiên. Xin ngài cho biết đề mục hướng tâm nào đã khiến ngài xuất gia tu hành?”

Bốn vị lần lượt kể cho Bồ Tát nghe về thân thể và nhân duyên từ bỏ thế tục để sống đời tu hành an tịnh và thanh khiết. Sau khi nghe các vị Độc Giác Phật thuyết pháp, căn cơ tu tập từ tiền kiếp của Bồ Tát được soi sáng, và Ngài trở nên chán ngán đời sống tại gia.

Khi các vị đã ra đi, Bồ Tát nói với người vợ của mình:

“Hiền thê, bốn vị Độc Giác Phật đã rời bỏ vương quốc để sống đời sa môn trong sạch, không dục vọng, không lỗi lầm, không chướng ngại, hưởng niềm an lạc thanh cao của đời tu hành. Trong lúc ấy, ngày lại ngày qua, ta chỉ quanh quẩn lo việc mưu sinh. Ta còn phải làm gì với đời tại gia nữa? Nay nàng hãy ở lại nhà và thay ta nuôi dưỡng hai con. Ta sẽ xuất gia tu hành.”

Nghe xong lời ngài nói, người vợ thưa:

“Phu quân, từ khi em được nghe pháp thoại của các vị Độc Giác Phật, em cũng không còn tha thiết với đời tại gia nữa. Em muốn xuất gia, sống an nhiên như con chim thoát khỏi bàn tay cầm tù, được trả tự do.”

Bồ Tát lắng nghe lời người vợ nói và yên lặng suy nghĩ. Trong lúc đó, vì nôn nóng được xuất gia trước chồng nên người vợ tìm cách đánh lừa Bồ Tát. Bà giả vờ nói:

“Này phu quân, em ra hồ lấy nước. Chàng hãy trông nom hai con.”

Rồi bà rời nhà, cầm theo chiếc bình như thể sẽ đi đến hồ nước. Nhưng bà bỏ đi và tìm đến các vị ẩn sĩ ở ngoại thành xin thọ giới xuất gia. Bồ Tát không thấy bà trở về nên đành ở lại nhà nuôi

đưỡng hai đứa con thơ.

Một thời gian sau, hai con lớn khôn hơn một chút, có thể học nghề và cách chăm sóc bản thân. Để dạy con biết cách nấu cơm, có hôm Ngài nấu hơi cứng và sũng, có hôm chưa chín tới, có hôm chín vừa, có hôm nhão, có hôm không có muối, có hôm quá nhiều muối. Dần dần các con của Ngài biết được sự khác biệt và nói với Ngài:

“Cha ơi, hôm nay cơm còn sũng... hôm nay cơm nhão... hôm nay cơm chín vừa... hôm nay cơm không có muối... hôm nay cơm có quá nhiều muối.”

Mỗi lần như vậy, Bồ Tát dịu dàng mỉm cười và nói:

“Đúng vậy, các con thân yêu.”

Rồi Ngài suy nghĩ: “Hai con nay đã biết nấu cơm và biết thế nào là cơm sũng, cơm chín, cơm nào có muối, cơm nào không. Vậy là hai con có thể sống tự lập theo ý chúng được rồi. Ta đã có thể yên lòng xuất gia.” Bồ Tát bèn dẫn các con đến gặp mặt thân quyến và trình bày quyết định của mình. Sau đó Ngài xuất gia tu hành, sống đời khát sĩ thanh tịnh ở ngoại thành.

Ngày nọ, một vị nữ khát sĩ đi khát thực ở Bārānasī trông thấy Ngài, cúi chào và nói:

“Thưa thầy, tôi nghĩ thầy đã giết các con rồi.”

Bồ Tát trả lời:

“Ta không giết các con. Khi chúng biết việc và có thể sống tự lập, ta mới xuất gia. Phần bà thì đã không quan tâm đến chúng, sớm lìa bỏ chúng để xuất gia. Nay ta là một khát sĩ. Đừng tìm đến ta nữa. Mỗi người chúng ta hãy đi theo con đường tu tập của riêng mình.”

Khuyến giáo vị nữ khát sĩ xong, Ngài từ giã bà. Bà nhận lời giảng dạy, đánh lễ Bồ Tát, rồi tìm nơi tịnh tu thích hợp.

Sau ngày ấy, hai vị không bao giờ gặp lại nhau. Đức Bồ tát nỗ lực tu tập, chuyên tâm hành thiền và thành tựu các chứng đắc cao thượng. Sau khi mệnh chung, Ngài tái sanh vào cõi Phạm thiên.

Kể xong câu chuyện, Đức Phật thuyết giảng về Tứ Diệu Đế, và giải thích các tiền thân: “Trong kiếp ấy con trai người thợ gốm là Rāhula, con gái là Uppalavaṇṇā³¹, nữ khát sĩ – hay vợ người thợ gốm – là Yasodharā, còn vị khát sĩ – hay người thợ gốm – là tiền thân của Như Lai.”

³¹ Thánh Ni Liên Hoa Sắc

CÁC MỐI LIÊN HỆ KHÁC TỪ TIỀN KIẾP

Ngoài mối liên hệ phụ tử tình thâm giữa Đức Phật và ngài Rāhula, Kinh Bốn Sanh hay Chuyện Tiền Thân Đức Phật còn ghi lại các mối liên hệ cao quý khác giữa bậc Giác Ngộ và Rāhula, cũng như giữa Rāhula và các vị thầy của ngài trong kiếp này như ngài Ānanda, ngài Sāriputta³², và ngài Mahā Moggallāna³³.



³² Xá Lợi Phất

³³ Đại Mục Kiền Liên

CÂU CHUYỆN HẮC SĨ DĪPĀYANA
(TIỀN THÂN KAṆHADĪPĀYANA)³⁴

Đức Phật kể câu chuyện sau ở Jetavana về một vị sa môn thời thất trên đường tu.

Ngày xưa, trong một thị trấn ở xứ Kosambī nơi Vua Kosambika trị vì, có hai vị bà-la-môn giàu có, Dīpāyana và Maṇḍavya, là đôi bạn chí thân.

Sau khi nhận thức được những đau khổ, oan trái, và hiểm nguy của tham dục, cả hai vị quyết tâm xuất gia, thoát lìa đời thế tục. Họ phân chia tài sản cho thân nhân rồi bỏ thí tất cả của cải còn lại. Rồi họ ra đi, từ bỏ mái ấm gia đình giữa tiếng khóc than vật vã của thân bằng quyến thuộc.

Đôi bạn đi về miền núi Tuyết Sơn và dựng am cốc ở đó để sống đời ẩn sĩ thanh đạm. Nơi ấy, trong năm mươi năm liền, hai vị ẩn sĩ nuôi thân bằng trái cây và củ rễ mà hai vị tìm được trong rừng. Sống phạm hạnh như vậy nhưng hai vị vẫn không thể đạt được các chứng đắc thiên định.

Sau năm mươi năm trôi qua như vậy, Dīpāyana và Maṇḍavya từ Tuyết Sơn du hành xuống một vùng quê để xin muối và gia vị, rồi đi đến xứ Kāsi.

³⁴ Chuyện Tiền Thân Đức Phật, *Jātaka* số 444

Trong một thị trấn của vương quốc này, có một gia chủ tên là Maṇḍavya, từng là bạn của Dīpāyana khi ản sĩ còn sống đời tại gia. Đôi bạn ản sĩ Dīpāyana và Maṇḍavya cùng đến thăm viếng gia chủ Maṇḍavya.

Vừa trông thấy hai vị ản sĩ, gia chủ Maṇḍavya vô cùng hoan hỷ trước phong cách thanh tịnh và oai nghiêm của họ. Ông dựng một thảo am cho hai vị và cúng dường đầy đủ tứ vật dụng. Hai vị ản sĩ cư ngụ ở trú xứ này vài mùa rồi từ biệt vị gia chủ nhiệt thành và lên đường, đi về thành Ba-la-nại. Nơi đây hai vị ản cư trong một nghĩa địa um tùm rậm rạp cây cối.

Khi ản sĩ Dīpāyana đã ở đó một thời gian theo ý muốn, ngài trở về thị trấn thăm người bạn xưa, gia chủ Maṇḍavya. Phần ản sĩ Maṇḍavya thì vẫn trú ngụ ở nghĩa địa.

Một ngày nọ, một tên cướp lên vào thành cướp bóc của cải của lương dân. Những người chủ nhà và lính canh cùng nhau rượt bắt tên cướp. Cùng đường, tên cướp thoát thân qua một ống cống, và trong lúc đang phóng nhanh ngang vùng nghĩa địa, hấn đánh rơi túi của cải cướp được ở trước cửa túp lều của ản sĩ Maṇḍavya. Khi đám người rượt theo tên cướp thấy túi này, họ nghi oan cho vị ản sĩ nên cùng la lớn:

“À, thật là đồ vô lại đểu giả! Ban đêm mi đi trộm cướp rồi đến ban ngày thì mi giả dạng tu hành đi loanh quanh đường phố để rình rập.”

Thế rồi, vừa nguyên rửa vừa đánh đập ả sĩ Maṇḍavya, họ đem ông đến trình lên vua xin xử tội.

Vua không chất vấn, cũng không truyền điều tra có sự gì cả, mà chỉ hạ lệnh:

“Mang nó đi khuất mắt trẫm ngay, và đóng cọc vào người của nó.”

Quân lính đem ả sĩ Maṇḍavya về nghĩa địa và đặt ngài lên một cái cọc bằng gỗ cây xiêm gai để đâm xuyên thân ông. Nhưng cây cọc không sao đâm thủng qua thân của vị ả sĩ. Họ bèn thử đóng ngài vào một cọc gỗ bén hơn, song cọc này cũng không thể xuyên thân ông. Rồi họ dùng một que sắt nhọn, nhưng nó cũng không xuyên thủng thân ả sĩ.

Vị ả sĩ tự hỏi nghiệp dữ nào trong quá khứ của mình đã gây nên quả báo ngày hôm nay. Ông giữ chánh niệm, định tâm quán sát, và suy nghiệm quá khứ. Không bao lâu sau trong tâm ông khởi một tuệ giác về những việc thiện và bất thiện ông đã tạo tác trong các kiếp trước. Với túc mạng thông này, ông quán chiếu các tiền kiếp của mình và thấy được một ác nghiệp ông đã gieo từ lâu lắm – đó là

việc xiên thủng một con ruồi bằng một mảnh gỗ mun.

Trong tiền kiếp đó ả sĩ Maṇḍavya là con trai của một người thợ mộc. Một ngày nọ cậu đi đến chỗ người cha thường đốn cây. Nơi ấy cậu dùng một mảnh gỗ mun đâm xuyên một con ruồi như thể đóng cọc vào thân nó để vui chơi.

Nghiệp chướng tội lỗi này đã được vị ả sĩ phát hiện ra khi chứng đắc tuệ giác phi thường cao quý. ả sĩ biết rằng không thể nào thoát khỏi quả báo do ác nghiệp cũ nên điềm đạm nói với quân lính của vua:

“Nếu các ông muốn đóng cọc ta, hãy dùng một cái cọc bằng gỗ mun.”

Họ làm theo. Quả như lời ả sĩ Maṇḍavya nói, họ xiên thủng thân ông và đóng cọc được. Xong việc, họ để lại một người lính canh giữ vị ả sĩ rồi bỏ đi.

Ả nấp từ một nơi xa hơn, một toán quân canh lén quan sát mọi việc xảy ra cho vị ả sĩ bị đóng cọc.

Lúc bảy giờ, ả sĩ Dīpāyana nhớ đến ả sĩ Maṇḍavya và suy nghĩ: “Đã lâu rồi ta không gặp hiền hữu của ta,” nên lên đường tìm gặp bạn. Khi nghe tin bạn đang bị đóng cọc treo suốt cả một ngày trời bên lề đường, ả sĩ Dīpāyana đến

bên cạnh bạn và hỏi bạn đã làm gì.

“Chẳng làm gì cả,” Maṇḍavya trả lời.

“Hiền hữu,” Dīpāyana lại hỏi, “vậy bạn có cảm nhận cơn phòng hiểm hận và ác niệm khởi lên trong tâm vì oan ức hay không?”

“Hiền hữu, không một mảy may oán hận nào khởi lên trong tâm ta đối với những kẻ đã bắt ta cũng như đối với nhà vua đã hạ lệnh hành hình.”

“Nếu quả vậy thì bóng mát của một vị hiền đức như thế sẽ mang cho ta niềm an lạc.”

Cùng với những lời này, Dīpāyana ngồi xuống cạnh cây cọc đang xuyên thân bạn.

Những giọt máu đông đặc từ thân của Maṇḍavya rơi xuống trên làn da vàng óng của Dīpāyana, rồi khô đi, và trở thành những đốm đen. Vì vậy mà từ đó về sau ông có tên là Kaṇha-Dīpāyana³⁵ hay Hắc sĩ Dīpāyana. Và ông tĩnh tọa bên người bạn hiền suốt đêm.

Ngày hôm sau, toán quân canh về lại hoàng cung và tường thuật mọi chuyện lên quốc vương. Nhà vua ân hận nói:

“Trẫm đã hành xử quá hấp tấp.”

Rồi vua vội vã truyền xa giá ra đến chỗ có hai vị ẩn sĩ và hỏi Dīpāyana vì sao đã ngồi bên cây cọc như thế.

³⁵ Kaṇha: màu đen

“Tâu đại vương,” ả sĩ Dīpāyana trả lời, “thần ngồi đây để canh chừng và bảo vệ bạn. Nhưng xin đại vương cho biết người này đã làm gì, hay bỏ dở việc gì chưa làm, mà đối xử như vậy?”

“Này khanh,” vua giải thích, “trẫm chưa điều tra sự kiện.”

“Tâu đại vương, một vị vua quyền thế trong tay cần phải hành động can trọng; một người thế tục biếng nhác đắm say dục lạc là điều không hay...”

Và Dīpāyana còn nhắc nhở khuyên răn nhà vua thêm những điều như thế.

Nay biết được ả sĩ Maṇḍavya vô tội, vua truyền lệnh thả ả sĩ và nhổ cây cọc ra khỏi thân ông. Nhưng dù đã cố gắng hết sức, quân lính cũng không nhổ cọc ra được. Maṇḍavya nói:

“Tâu đại vương, thần phải chịu ô nhục thâm khốc này do một lỗi lầm đã phạm từ một kiếp xa xưa. Quân lính sẽ không thể nào nhổ cọc ra khỏi thân thần được. Song nếu đại vương muốn cứu mạng thần, xin truyền đem một cái cưa đến để cắt bỏ phần cọc ở ngoài lớp da thịt.”

Vua truyền quân lính làm như thế. Vì vậy phần cọc nằm trong thân ả sĩ Maṇḍavya vẫn còn đó.

Nhà vua đánh lễ hai vị ả sĩ và xin được thứ lỗi, rồi thỉnh hai vị vào trú ngụ trong ngự viên để vua chăm sóc hộ trì. Cũng từ đó, Maṇḍavya được

gọi là *Āṇi-Maṇḍavya*³⁶ hay *Maṇḍavya-mang-cọc*, và ở lại cư ngụ trong ngự viên gần nhà vua.

Phân Dīpāyana, sau khi chăm sóc vết thương cho người bạn ẩn sĩ *Maṇḍavya* được lành lặn, thì trở về với người bạn xưa là gia chủ *Maṇḍavya*.

Lúc bấy giờ con trai của gia chủ *Maṇḍavya* là *Yaññadatta* đang chơi đùa ở ngoài sân và bị rắn độc cắn. Cậu ngã xuống bất tỉnh vì nọc độc của rắn quá mạnh. Khi cha mẹ cậu tìm thấy con như vậy liền bồng con đem đến bên ẩn sĩ *Dīpāyana*. Họ đặt cậu nằm dưới chân vị ẩn sĩ này và khẩn khoản:

“Thưa ngài, các bậc tu hành thường biết nhiều về dược thảo và bùa chú, xin ngài làm ơn chữa trị cho con chúng tôi.”

“Ta không biết gì về dược thảo. Ta cũng không có nghề chữa bệnh của một y sĩ.”

“Nhưng thưa ngài, ngài là bậc tu hành. Xin hãy rủ lòng bi mẫn cho đứa bé này và dùng năng lực tâm linh của lời chân thật để chữa lành cho con chúng tôi.”

Hành động “nói lời chân thật” hay “xác nhận sự thật” để chữa lành sự đau đớn bệnh tật là một hành động dựa trên nguyên lực của sự chân thật. Đó không phải là một chức năng y khoa mà là một hành động được làm sau khi quán tưởng phẩm

³⁶ *Āṇi*: cây cọc

hạnh chân thật của chính mình và phát nguyện. Nguyện lực trở thành liều thuốc tâm linh để cứu khổ.

“Được,” vị ẩn sĩ nói, “ta sẽ dùng oai lực của lời chân thật để cứu cháu bé.”

Rồi ẩn sĩ Dīpāyana vừa nhẹ nhàng đặt tay lên đầu Yaññadatta vừa nói rằng:

“Ta đã sống năm mươi năm ẩn dật nơi thanh vắng an tịnh. Thế nhưng thật ra trong tâm ta chỉ miễn cưỡng sống đời ẩn sĩ nơi đó mà thôi. Do oai lực của lời chân thật này, nguyện cho nọc độc được hóa giải và cháu sẽ phục hồi.”

Sau khi ẩn sĩ Dīpāyana phát nguyện bằng lời chân thật thì chất độc ứa ra từ ngực của Yaññadatta. Cậu bé mở mắt, nhìn cha mẹ, và kêu:

“Mẹ ơi!”

Rồi cậu quay người lại và nằm im bất động. Hắc sĩ Dīpāyana nói với người cha:

“Hiền hữu, ta đã dùng trọn nguyện lực của ta. Bây giờ đến phiên hiền hữu dùng nguyện lực của mình.”

Người cha vâng lời, rồi vừa dịu dàng đặt tay trên ngực con vừa nói:

“Ta hằng rộng rãi bố thí cúng dường bấy lâu nay. Thế nhưng thật ra trong tâm ta chỉ miễn cưỡng ban cho người khác mà thôi. Do oai lực của

lời chân thật này, nguyện cho nọc độc được hóa giải và con sẽ phục hồi.”

Sau khi người cha phát nguyện bằng lời chân thật thì chất độc ứa ra từ lưng của Yaññadatta. Lần này cậu ngồi dậy nhưng vẫn chưa thể đứng lên được. Lúc ấy người cha nói với người mẹ:

“Hiền thê, ta đã dùng trọn nguyện lực của ta. Bây giờ đến phiên nàng dùng nguyện lực của mình để giúp cho con đứng lên và đi được.”

Người vợ nhỏ nhẹ thưa:

“Tôi cũng có một sự thật muốn nói ra nhưng không thể nói được trước sự hiện diện của hiền hữu ẩn sĩ và chàng.”

Gia chủ Maṇḍavya ôn tồn nói với vợ:

“Hiền thê, hãy dùng mọi phương cách để cho con được bình phục.”

Người vợ vâng lời chồng, rồi vừa âu yếm đặt tay trên ngực con vừa nói:

“Bấy lâu nay mẹ chung sống theo đạo nghĩa phu thê với cha của con, thế nhưng thật ra trong tim mẹ thì vẫn hững hờ lạnh nhạt, không có tình yêu với chồng. Do oai lực của lời chân thật này, nguyện cho nọc độc được hóa giải và con sẽ phục hồi.”

Sau khi người mẹ phát nguyện bằng lời chân thật thì tất cả chất độc ứa ra khỏi thân cậu bé.

Yaññadatta đứng dậy, phục hồi sức lực, và chơi đùa trở lại.

Lúc bảy giờ ẩn sĩ Kanha Dīpāyana và vợ chồng gia chủ Maṇḍavya ngồi lại đàm luận với nhau.

Người vợ suy nghĩ: “Nghe ta nói ra điều bí mật trong lòng, chắc chồng ta buồn giận ta lắm. Ta muốn được thành tâm xin lỗi chàng trước sự hiện diện của vị ẩn sĩ vốn là người bạn thánh thiện và chân tình của gia đình ta!” Rồi bà quỳ bên chồng và cung kính thưa:

“Giờ đây thiếp đã lỡ nói ra điều không nên nói ra. Nhưng vì phúc lợi của con chúng ta, thiếp xin chàng hãy tha thứ cho thiếp. Không gì hơn cho con khi thấy cha mẹ yêu thương nhau và sống hạnh phúc dưới mái gia đình.”

Maṇḍavya đỡ vợ đứng lên và nói:

“Hiện thế hãy đứng lên đi. Ta tha lỗi cho nàng. Từ nay nàng đừng vô tình với ta nữa. Ta sẽ không bao giờ làm cho nàng buồn khổ đâu.”

Còn ẩn sĩ Dīpāyana thì khuyên nhủ gia chủ Maṇḍavya:

“Bố thí cúng dường rộng rãi nhưng lại không tin rằng hành động ấy là một hạt giống sẽ trở quả lành trong ngày vị lai, đó là một sai lầm. Từ nay hiền hữu hãy tin tưởng vào công đức của hạnh bố thí cúng dường, và hãy tiếp tục bố thí cúng

dường.”

Vị gia chủ hứa nguyện sẽ làm như vậy, rồi đến phiên mình khuyên nhủ bạn:

“Thưa ngài, ngài cũng đã sai lầm khi nhận lễ vật cúng dường của chúng tôi trong khi ngài chỉ miễn cưỡng trên bước đường tu hành phạm hạnh. Để hạnh nghiệp của mình mang lại nhiều phước quả trong ngày vị lai, từ nay xin ngài dừng tiến trên đường tu cao quý với tâm an nhiên, thanh tịnh, và tràn đầy hỷ lạc.”

Rồi những người bạn hiền từ biệt nhau.

Từ đó về sau, người vợ hết lòng thương yêu chồng; gia chủ Maṇḍavya bố thí cúng dường với tâm thanh tịnh và đức tin mạnh mẽ; và ản sĩ Dīpāyana xua tan niềm thối thất miễn cưỡng, nỗ lực tu tập, thành tựu các chứng đắc cao thượng trong thiên định, và tái sanh vào cõi Phạm thiên.

Kê xong câu chuyện, Đức Phật thuyết giảng về Tứ Diệu Đế, và giải thích các tiền thân:

“Trong kiếp ấy Ānanda là gia chủ Maṇḍavya; Visākhā là người vợ, Rāhula là Yaññadatta, con của gia chủ Maṇḍavya, Sāriputta là ản sĩ Maṇḍavya-mang-cọc, và Hắc sĩ Dīpāyana chính là Như Lai.”

CHUYỆN KẾT GIAO VỚI BẠN LÀNH
(TIỀN THÂN MAHĀ-UKKUSA)³⁷

Câu chuyện này được Đức Phật kể tại Jetavana, về một vị cư sĩ tên là Mitta-gandhaka.

Người thanh niên này là con cháu một dòng họ đã suy tàn ở Sāvatti. Khi cầu hôn một thiếu nữ hiền thực, vì không còn ai thân thiết chàng phải nhờ một người bạn đại diện nhà trai. Nhà gái hỏi:

“Cậu ấy có bạn hữu nào có thể giúp cáng đáng các công việc hay lễ lạc cần thiết không?”

Nhà trai đáp:

“Không, chẳng có ai cả.”

Nghe vậy, nhà gái nói:

“Vậy thì trước tiên cậu ấy phải kiếm vài bạn hữu.”

Người thanh niên nghe theo lời khuyên này và làm bạn với bốn người giữ cổng thành. Sau đó chàng dần dần kết bạn với quân lính giữ thành, các nhà chiêm tinh, quý tộc và quần thần trong triều đình; ngay cả vị nguyên soái và phó vương. Nhờ giao thiệp với những người này, chàng trở thành bạn của vua.

Rồi chàng trở thành thiện tín của tám mươi vị

³⁷ Chuyện Tiền Thân Đức Phật, *Jātaka* số 486

trưởng lão trong Tăng già, và qua Trưởng lão Ānanda, chàng đến đánh lễ và viếng thăm Đức Phật. Bậc Đạo Sư thuyết pháp và cho gia đình chàng thọ Tam quy và Ngũ giới.

Vua phong cho chàng một chức vụ cao trong triều đình, và từ đó chàng được biết đến với danh hiệu Mitta-gandhaka, có nghĩa là “người kết giao nhiều bằng hữu”.

Vua còn ban cho chàng một dinh thự nguy nga và truyền lệnh cử hành hôn lễ cho chàng. Từ quốc vương đến quần thần và dân chúng đều đến dự tiệc cưới và mang nhiều tặng vật đến biếu đôi vợ chồng trẻ.

Vào ngày thứ bảy sau hôn lễ, đôi vợ chồng trẻ tổ chức đại lễ, cung thỉnh Đức Thế Tôn và chư Tăng đến nhà để cúng dường trai tăng và tứ vật dụng. Cuối buổi lễ, họ được nghe Đức Thế Tôn ban pháp thoại và lời hồi hướng công đức. Khi Ngài dứt lời, cả hai vị cư sĩ cùng chứng đắc thánh quả nhập lưu.

Trong chánh điện, đại chúng tán thán sự việc này:

“Chư huynh đệ, cư sĩ Mitta-gandhaka theo lời khuyên nhủ của vợ và gia đình vợ đã trở thành bạn của mọi người, được vua ban vinh quang tột bậc. Sau khi trở thành cư sĩ thân cận của Đức Bôn

Sư, cả hai vợ chồng còn được chứng quả nhập lưu vào dòng thánh.”

Đức Bôn Sư bước vào chánh điện và hỏi Tăng chúng đang đàm luận việc gì. Chư tỳ khuru thuật lại với Ngài. Ngài bảo:

“Đây không phải là lần đầu tiên, này chư tỳ khuru, người này được thọ nhận vinh quang và hạnh phúc nhờ vợ mình. Ngày xưa, trong một kiếp thú vật, nhờ lời khuyên của nàng mà vị ấy đã kết giao với rất nhiều thiện hữu và bảo toàn được tính mạng cho đàn con.”

Nói xong Đức Thế Tôn kể câu chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, khi vua Brahmadata trị vì ở Benares³⁸, một số người ở vùng biên giới thường định cư tại nơi nào họ có thể dễ dàng tìm kiếm thực phẩm, sống trong rừng, và săn bắn để lấy thịt cho họ và gia đình.

Không xa làng của họ có một cái hồ thiên nhiên lớn. Sống quanh bờ hồ, ở phía nam có một con chim ưng trống; phía tây một con chim ưng mái; phía bắc một con sư tử, chúa của loài dã thú; phía đông một chim ưng biển, chúa của loài chim. Ở giữa hồ có một con rùa sống trên một hòn đảo nhỏ.

³⁸ Ba-la-nại

Một hôm, chim ưng trống hỏi chim mái về làm vợ của mình. Chim mái hỏi:

“Chàng có bạn hữu nào không?”

Chim trống đáp:

“Không, nàng ạ.”

“Ta cần có vài bạn hữu để giúp ta đương đầu với những hiểm nguy hay tai biến có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Chàng phải đi tìm bạn.”

“Ta sẽ làm bạn với ai đây?”

“À, thì với những ai sống quanh ta: chim ưng chúa, sư tử, và rùa.”

Chim trống làm theo lời khuyên của chim mái. Đôi chim làm tổ trên cây gáo trắng³⁹ ở một cồn đất nổi giữa hồ và sống với nhau. Rồi chúng sanh được hai chim trống con.

Ngày nọ, một nhóm dân làng đi săn mỗi cả ngày khắp khu rừng mà không kiếm được gì cả. Không muốn trở về làng tay không, họ lợi xuống hồ với hy vọng bắt được cá hay rùa. Chưa bắt được gì thì mệt mỏi nên họ lên cồn đất, nằm nghỉ dưới bóng cây gáo trắng.

Nghỉ ngơi không được bao lâu thì họ khổ sở vì bị muỗi mòng, ruồi bọ bu quanh chích đốt nên phải nhóm lửa và hun khói để đuổi chúng đi. Khói bay lên ngọn cây làm bầy chim khó chịu,

³⁹ Cây kadamba

và đôi chim non lông cánh còn chưa cứng cáp bật tiếng kêu chiêm chiếp.

“Ồ, có tiếng chim kêu!” dân làng nói với nhau.

“Ngòi dậy mau. Đốt lửa lên! Hun khói thêm! Ta không thể nằm nhìn đói ở đây. Trước khi ngủ, ta phải có một bữa thịt chim rừng.”

Họ nổi lửa lớn hơn và thổi khói bay nhiều hơn. Nghe tiếng động, chim mẹ suy nghĩ: “Những người này muốn ăn thịt con ta. Ta đã kết giao với bạn lành để cứu gia đình ta khỏi hiểm họa này. Ta sẽ nói chồng ta đến cầu cứu chim ưng chúa.”

Rồi chim mái nói với chồng:

“Chàng hãy cấp báo cho chim ưng chúa biết mối nguy hiểm đang đe dọa các con ta.”

Chim trống liền bay hết tốc lực đến chỗ trú của chim ưng chúa. Khi được phép, nó đến gần chim ưng chúa và cung kính chào. Chim ưng chúa hỏi:

“Vì sao bạn đến đây?”

Chim trống thưa:

“Thưa chúa công, dân làng đang muốn bắt bầy trẻ của tôi để ăn thịt. Thật kinh sợ! Xin chúa công hãy cứu chúng thoát khỏi nguy nàn.”

“Đừng sợ!” chim ưng chúa trấn an. “Lúc an bình hay lúc hiểm nguy gì cũng vậy, bậc trí kết giao để bảo vệ cho nhau trong tình bằng hữu và chiến hữu. Vì bạn, ta sẽ hành động cứu nguy. Là

thiện hữu phải giúp nhau những lúc cần.”

Rồi chim ưng chúa hỏi tiếp:

“Này bạn, dân làng đã trèo lên cây chưa?”

“Thưa chúa công, họ chưa trèo lên. Họ chỉ mới chất thêm củi vào đống lửa.”

“Vậy bạn hãy mau trở về trấn an gia đình của bạn, và nói rằng ta sẽ đến ngay.”

Chim trống vâng lời, bay về tổ. Chim ưng chúa cũng bay theo. Rồi từ một nơi gần cây gạo trắng, chim ưng chúa theo dõi đám dân làng đang leo lên ngọn cây. Vừa thấy một người trèo đến hơi gần tổ chim, chim ưng chúa lập tức nhào xuống hồ, dùng đôi cánh và mỏ rảy nước để dập tắt ngọn lửa đang cháy.

Thấy lửa tắt, đám người vội vàng trèo xuống và nhóm ngọn lửa khác để chuẩn bị nấu bầy chim. Rồi khi họ leo lên cây, chim ưng chúa lại dập ngọn lửa lần nữa.

Cứ thế, hễ lửa được nhóm lên là bị dập tắt đi, cho đến nửa đêm. Lúc này chim ưng chúa đã kiệt sức. Làn da dưới bụng căng mỏng xơ xác; đôi mắt đỏ ngầu như rướm máu. Thấy thế, chim mái nói với chồng:

“Chúa công đã kiệt sức rồi. Chàng hãy đến báo cho bạn rùa đến tiếp tay để chúa công được nghỉ ngơi dưỡng sức.”

Nghe vậy chim trống đến cạnh chim ưng chúa và thưa:

“Bạn lành giúp nhau là việc cần làm. Chúa công vì lòng thương xót mà đã hết lòng xả thân để bảo toàn sanh mạng cho đàn con thơ ấu của chúng tôi. Nhưng xin chúa công cũng phải bảo trọng cho sanh mạng của chính mình, đừng để thể lực suy tàn.”

Chim trống vừa dứt lời, chim ưng chúa cất giọng uy nghi dũng mãnh như tiếng sư tử hống:

“Khi ta canh giữ quanh cội cây này, ta không hề lo nghĩ đến chuyện phải mất mạng vì an nguy của bằng hữu. Bậc thiện lành vẫn làm như vậy. Thế nên, bạn sẽ làm cho bạn, dù cho phải hy sinh thân mạng.”

“Chúa công,” chim trống nói, “dù sao cũng xin hiền hữu hãy nghỉ ngơi chốc lát.”

Rồi nó bay đến đánh thức con rùa. Rùa hỏi:

“Này bạn, bạn đến có việc gì lúc giữa khuya như vậy?”

“Bạn ơi, hiểm nguy như vậy và như vậy đó đã xảy ra với chúng tôi. Chim ưng chúa chịu khổ nhọc cứu giúp chúng tôi từ canh một và nay đã gần tàn hơi kiệt lực, cho nên tôi phải đến gặp bạn. Ngay cả những kẻ sa ngã trong tội lỗi hay ác nghiệp cũng có thể vươn lên nếu được giúp đỡ khi cần kíp. Nay

các con chúng tôi đang trong lúc hiểm nguy nên tôi bay đến đây tìm bạn hiền. Xin hãy cứu giúp chúng tôi.”

Khi nghe vậy, rùa nói với bạn:

“Đối với một bằng hữu, bậc thiện lành sẵn sàng hiến cả vật dụng lẫn sanh mạng. Vì bạn, hồi chim ưng hiền hữu, ta cũng sẽ làm như vậy: bạn lành phải giúp đỡ nhau lúc cần thiết hay trong cơn hoạn nạn.”

Rùa con đang nằm gần đó, nghe những lời cha nói, bèn suy nghĩ: “Ta không muốn cha ta phải gặp hiểm nguy khôn khó. Ta sẽ nhận lãnh phần trọng trách của cha.” Vì vậy, rùa con nói với cha:

“Cha ơi, xin cha hãy ở lại nhà nghỉ ngơi. Con sẽ thay cha lên đường. Phụng sự phụ thân là bổn phận của một người con. Con sẽ giải cứu đàn chim ưng non trong tổ.”

Rùa cha đáp lời con:

“Hãy làm việc thiện, này con yêu; và đừng vậy, làm con phải cáng đáng công việc và nghĩa vụ của cha. Nhưng hôm nay thì cha sẽ đi vì may ra, khi thấy sức vóc và tuổi tác lớn khôn của cha, họ sẽ để yên cho đàn chim non.”

Nói xong, rùa bảo chim ưng bay về tổ và nhắn nhủ:

“Bạn ơi, đừng sợ hãi nhé. Bạn cứ đi trước rồi

ta sẽ lập tức theo sau.”

Rồi rùa lặn xuống nước, lượm một ít bùn, bơi đến cón đất, dùng bùn dập tắt ngọn lửa và nằm im. Lúc ấy, những người dân làng la lên:

“Tại sao ta cứ phải vất vả nhọc công vì bầy chim ưng con? Hãy lật con rùa đáng ghét này lại rồi giết và làm thịt nó. Nó lớn như thế này, thịt nó sẽ đủ cho cả bọn ta no bụng mà.”

Bàn bạc với nhau xong, họ hái ít cây leo bên thành một sợi dây, một đầu cột vào rùa và một đầu sẽ được cột vào một nơi để họ lấy thế lật rùa lại.

Thế nhưng khi họ đã buộc chặt dây vào hết chỗ này đến chỗ kia và xé cả áo quần để nối cho dài và chắc, họ cũng không sao lật giữa rùa được. Đã vậy, rùa còn lôi kéo họ rồi lao mình xuống hồ nước sâu. Họ nôn nóng bắt rùa đến độ cũng nhào xuống hồ. Nhưng rồi họ chỉ lặn hụp và uống nước đầy bụng mà không sao bắt được.

Họ tức tối nói với nhau:

“Xem này, con chim ưng chúa cứ dập tắt lửa của ta cho đến nửa đêm. Bây giờ đến lượt con rùa làm ta rớt xuống hồ và uống cả bụng nước. Thật quá ư khổ sở! Thôi, hãy nhen lửa lại, rồi đợi đến sáng mai ta cũng sẽ được ăn bầy chim ưng con.”

Họ lại bắt đầu nhóm lửa. Chim ưng mái nghe tiếng động của họ liền nói với chồng:

“Chàng ơi, sớm muộn gì bọn người này cũng xé xác, ăn thịt các con ta rồi mới chịu đi. Chàng hãy đến báo cho bạn sư tử và xin giúp đỡ.”

Chim ưng trống lập tức đến gặp sư tử và kể cho sư tử nghe hết tình cảnh và cầu cứu:

“Ôi, vị chúa tể oai hùng của muôn loài! Trong những lúc kinh hoàng hay lo sợ thì người và thú đều tìm đến bậc dũng mãnh nhất để được bảo vệ và nương tựa. Nay đàn chim non của chúng tôi đang gặp hiểm nguy nên tôi tìm đến ngài khẩn cầu xin trợ giúp.”

“Hãy yên tâm, này bạn ưng!” Sư tử nói. “Ta sẽ giúp bạn ngay. Đi, ta hãy lên đường đuổi sạch những kẻ gieo rắc tai họa. Bậc thiện trí phải hết lòng bảo vệ bằng hữu.”

Trấn an chim ưng xong, sư tử kêu chim ưng về trước và trầm tĩnh dặn dò:

“Bạn hãy bay về tổ, vỗ về an ủi vợ hiền và các con thơ đang trong lúc kinh hoàng. Ta sẽ lập tức theo sau.”

Rồi sư tử uy nghi tiến lên, chân dũng mãnh khuấy tung nước hồ trong suốt như thủy tinh. Khi dân làng thấy sư tử đến gần, họ sợ chết khiếp và kêu la:

“Con chim ưng chúa bao nhiêu lần dập tắt củi lửa của ta. Con rùa khiến ta mất cả quần áo đang

mặc. Nhưng bây giờ còn tệ hơn nữa, ta tàn đời rồi! Con sư tử này sẽ giết ta ngay lập tức.”

Họ liền chạy tứ tán để thoát thân. Khi sư tử đến gốc cây thì không còn thấy ai quấy phá tổ chim nữa. Yên ắng rồi thì chim ưng chúa, chim ưng trống và rùa cùng đến cạnh bên sư tử. Sư tử giải thích cho tất cả biết ích lợi của tình bằng hữu và nói:

“Từ nay về sau, ta hãy thận trọng đừng bao giờ làm tan vỡ mối tình bằng hữu thân ái.”

Với lời khuyên này, sư tử từ biệt. Các bạn còn lại cũng trở về trú xứ của riêng mình.

Vui mừng nhìn đàn con thơ riu rít, chim ưng mái suy nghĩ: “Nhờ những bạn lành xả thân cứu giúp mà các con ta được an toàn tính mệnh, gia đình ta được tai qua nạn khỏi.”

Từ đó nhóm thiện hữu sống hòa thuận, đùm bọc nhau, không làm đứt đoạn sợi dây tình bạn, ở bên nhau cạnh hồ suốt đời còn lại cho đến lúc mệnh chung rồi tái sanh theo biệt nghiệp của mình.

Kể xong câu chuyện, Đức Thế Tôn giải thích tiền thân:

“Vào thời ấy, đôi vợ chồng này là đôi chim ưng, Sāriputta là ưng chúa, Moggallāna là rùa cha, Rāhula là rùa con, và Như Lai chính là sư tử kia.”

GIA TÀI CỦA TỪ PHỤ

Sau sáu năm sống đời khát sĩ không nhà và không thân quyến, nỗ lực tinh tấn tu tập không ngừng nghỉ để tìm cầu Chân Lý, Bồ Tát Siddhattha thành tựu quả vị Giác Ngộ trở thành một vị Phật, Đức Phật Sākya-muni Gotama⁴⁰. Từ đó, bậc Toàn Giác bắt đầu cuộc bộ hành truyền bá Giáo Pháp khắp miền Bắc Ấn và thành lập Tăng già.

Trong lúc đó, Hoàng tử Rāhula lớn lên vắng bóng thân phụ suốt bảy năm trời. Cậu bé sống trong tình thương yêu và dưỡng dục của mẹ và ông bà nội.

Một năm sau ngày Thành Đạo dưới Cội Bồ Đề, Đức Phật trở về thăm gia đình và quê hương, thành Kapilavatthu.

Vào ngày tiếp rước Đức Phật, Vua Suddhodana truyền lệnh giăng cờ hoa và kết đèn khắp nơi trong kinh thành. Theo vương lễ, những thớt tượng uy nghi được sắp xếp đứng dọc con đường lớn đi vào hoàng cung để nghinh đón Đức Thế Tôn, con

⁴⁰ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Cồ Đàm

đường mà vua nghĩ người con vương giả của mình sẽ đi qua.

Thế nhưng vua lại được tin cấp báo rằng con trai của vua đang đi vào kinh thành qua những đường phố nhỏ hẹp, trong lớp áo khất sĩ thô sơ nghèo nàn. Vô cùng xấu hổ và buồn phiền, vua lập tức truyền phóng xa giá đưa vua đi tìm đứa con mà mình vừa thương vừa giận.

Gặp Đức Phật khi Ngài đang trì bình khát thực trước một căn nhà lụp xụp, Vua Suddhodana không ngăn được cơn phần nộ vì đứa con của mình, một vị thái tử, lại bỏ cả giang sơn mà làm việc si nhục là đi xin ăn như một kẻ khốn cùng của giai cấp hạ tiện. Vua chất vấn Đức Phật vì sao không sống theo lẽ lối của dòng dõi vương giả. Đức Thế Tôn ôn tồn trả lời:

“Thưa phụ hoàng, con luôn sống theo lẽ lối của dòng dõi. Nhưng Như Lai không nói đến dòng dõi thế tục của Như Lai mà nói đến dòng dõi của chư Phật. Như Lai không về thăm quê hương như một kẻ khốn cùng trắng tay. Ngược lại, Như Lai mang theo một kho báu, một gia tài hiếm quý, cao thượng và vĩ đại nhất. Đó là kho báu của chân hạnh phúc, của giải thoát và bình an tuyệt đối, kho

báu Niết bàn. Gia tài mà Như Lai, một vị Phật, để lại cho những người con Phật là Pháp Bảo.”

Rồi Đức Phật cùng phụ vương chậm rãi đi bộ về hoàng cung. Nơi đây, Ngài gặp lại thân quyến sau bảy năm dài xa cách, trong đó có người con trai bé nhỏ Rāhula. Lần đầu tiên trong đời thấy mặt cha, lòng Rāhula ngập tràn niềm xúc động. Cậu bé mừng mừng tủi tủi, bắt chước theo mọi người trong hoàng cung thành kính chấp tay búp sen đánh lễ bậc Giác Ngộ tôn nghiêm và quý kính.

Trong thời gian viếng thăm quê hương, Đức Phật không ngự trong cung điện với hoàng tộc mà cùng chư Tăng lưu trú ở rừng Nigrodha thanh tịnh gần kinh thành và thường đi trì bình hóa duyên trên đường phố.

Ngày này qua ngày kia, nơi hoàng cung, ở ngự viên, trên rất nhiều nẻo đường của Kapilavatthu, Đức Thế Tôn giải thích cho vua cha, hoàng tộc, và dân chúng nghe về Chân Lý cao thượng mà Ngài đã chứng ngộ. Ai ai cũng hoan hỷ đón nhận món quà Pháp Bảo và được trở thành đệ tử của Ngài, không phân biệt đẳng cấp xã hội, bởi vì “không có đẳng cấp khi dòng máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn.”

Vào một ngày trong chuyến viếng thăm quê hương, Đức Thế Tôn vào hoàng cung độ ngộ và thuyết pháp. Công chúa Yasodharā chỉ cho Hoàng tử Rāhula thấy Ngài, lúc ấy đang ngồi giữa đoàn chư Tăng, và dịu dàng nói với con:

“Này Rāhula con yêu, vị sa môn đó, cha của con, có một kho tàng vô cùng quý báu. Con hãy đến xin Ngài phân gia tài của con!”

Cậu bé Rāhula ngây thơ vâng lời mẹ, đến trước mặt Đức Phật, cung kính đánh lễ, rồi đến cạnh bên Ngài. Hôm nay thì cậu bé đã bình tâm hơn và vì thế, khi đứng gần bên bậc Giác Ngộ, cậu bé lần đầu tiên trong đời được cảm nhận và thọ hưởng trọn vẹn bóng mát an lành kỳ diệu của tâm từ lan tỏa từ đấng Từ Phụ. Lòng cậu dâng tràn một niềm cảm mến hân hoan đến quên cả lời hỏi xin mà mẹ đã dặn. Cậu bé nhỏ nhẹ thưa lên Ngài một câu nói chân thành tự đáy lòng:

“Bạch Sa môn, cái bóng của Ngài khiến cho con thật mát mẻ an vui.”

Rồi cậu bé cứ quán quýt bên Đức Phật.

Độ ngộ xong, Đức Thế Tôn đứng lên khỏi chỗ ngồi và rời hoàng cung. Rāhula lẽ đẽo theo chân Ngài. Lính hầu không ai dám, và cũng không nỡ,

ngăn cản vị hoàng tử nhỏ bấy lâu nay sống vắng bóng cha. Đức Phật cũng im lặng, không cảm đi theo.

Bấy giờ Rāhula sực nhớ lời mẹ dặn nên cung kính chấp tay bạch Đức Thế Tôn:

“Bạch Sa môn, xin Ngài trao cho con gia tài của con.”

Đức Phật không trả lời, tiếp tục im lặng bộ hành về rừng Nigrodha. Rāhula vẫn vui vẻ theo bước Ngài.

Ngày xưa Vương phụ Suddhodana đã tìm cách che dấu tất cả đau khổ của cuộc đời phía sau một bức tường cao dày bao quanh cung điện và ngự viên để lòng bi mẫn của Thái tử Siddhattha ngủ yên, không thúc giục Ngài xuất gia tìm con đường diệt khổ.

Ngày xưa Vương phụ Suddhodana kiên quyết tạo dựng cho Thái tử Siddhattha một cuộc sống tại gia xa hoa quyền quý và êm đềm hạnh phúc để chuẩn bị cho một ngày trao truyền cho con phần gia tài cao quý nhất của một bậc vương phụ: ngai vàng và giang sơn. Đó quả thật là một gia tài phàm thế vĩ đại.

Nhưng đáng Từ Phụ Sākyamuni thì nghĩ khác:

“Con muốn gia tài của cha, nhưng tài sản trong thế gian mong manh và đầy phiền não. Như Lai sẽ trao cho con bảy tài sản cao quý của bậc thánh⁴¹ mà Như Lai đã thành đạt dưới Cội Bồ Đề. Như Lai sẽ hướng dẫn và hộ trợ cho con làm chủ một gia tài siêu thế.”

Về đến tịnh cốc, Đức Thế Tôn dạy Đại đức Sāriputta:

“Này Sāriputta, con hãy cho Rāhula làm lễ xuất gia.”

Đại đức ngạc nhiên, chấp tay cung kính hỏi Đức Bôn Sư:

“Bạch Thế Tôn, Rāhula tuổi còn nhỏ quá. Con cho hoàng tử xuất gia như thế nào?”

“Sāriputta, trước tiên hãy cho Rāhula xuống tóc, khoác y cà-sa (*kāsāva*⁴²), thọ Tam Quy⁴³, rồi thọ các giới căn bản để tập sự nếp sống xuất gia.”

Một vị mới xuất gia được gọi là sa di (*sāmaṇera*⁴⁴). Trong buổi lễ thọ giới của Rāhula,

⁴¹ Bảy Thánh Sản (*ariyadhana*): tín tài (*saddhādhana*), giới tài (*sīladhana*), tâm tài (*hiridhana*), quý tài (*ottappadhana*), văn tài (*sutadhana*), thí tài (*cāgadhana*), tuệ tài (*paññādhana*)

⁴² *Kāsāva*: y màu cam

⁴³ Quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng

⁴⁴ Gốc là chữ *samaṇa*: bậc sa môn

ngài Sāriputta là vị thầy giáo thọ, truyền dạy kiến thức và Giáo Pháp, và ngài Mahā Moggallāna là vị thầy yết ma, truyền giới luật.

Lúc này, ở hoàng cung, Vua Suddhodana thoát tiên ngỡ rằng Rāhula chỉ ở lại rừng Nigrodha vài ngày để được quanh quần bên cha. Đến khi hay tin đứa cháu nội thân yêu cũng đã xuất gia, vua hết sức sầu khổ, tan nát tâm can. Không thể chịu đựng được nữa, vua đến viếng Đức Phật và nói với Ngài:

“Khi Đức Thế Tôn xuất gia, trầm đau xót vô cùng. Rồi đến Nanda⁴⁵. Nay lại đến Rāhula. Lòng của người cha bị mất con cũng như bị ai cắt da, xẻ thịt, cắt gân, cắt luôn cả xương tủy. Xin Đức Thế Tôn chấp nhận lời thỉnh nguyện của trẫm rằng sẽ không làm lễ xuất gia thọ giới sa di cho người con nào mà cha mẹ chưa cho phép.”

Đức Thế Tôn chấp thuận lời thỉnh cầu của vua, rồi khuyên giải vua bằng một bài pháp thoại về lợi ích cao thượng của hạnh xuất gia. Sau khi thọ nhận lời giáo huấn của Đức Thế Tôn, vua bình tâm quay trở về hoàng cung.

⁴⁵ Người em trai cùng cha khác mẹ của Đức Phật

Do nhân duyên này, Đức Phật ban hành thành luật rằng:

“Này chư tỳ khuru, người con nào mà cha mẹ chưa cho phép thì không nên cho phép xuất gia. Tỳ khuru nào cho phép xuất gia sẽ phạm tội *dukkata* (tác ác).”⁴⁶

Hoàng tử Rāhula là vị thọ sa di đầu tiên trong Giáo đoàn của Đức Phật Gotama. Đứng sau chúng tỳ khuru (*bhikkhu*), chúng sa di còn được gọi là tiểu chúng. Vào thời kỳ Đức Phật mới thành lập Tăng già, chưa có chúng sa di.

Lần nọ, toàn gia đình một cư sĩ thuần thành hăng hộ trì ngài Ānanda bị tử vong vì bệnh dịch hạch, chỉ có hai đứa bé trai còn sống sót. Khi thấy các vị sa môn, chúng chạy đến gần xin nương tựa, nhưng vì chúng còn nhỏ tuổi quá nên chư Tăng không dám nhận cho xuất gia.

Khi chư Tăng quay lưng đi, hai đứa bé đứng khóc. Nhìn cảnh tượng ấy, ngài Ānanda động lòng bi mẫn và suy nghĩ: “Trước đây Đức Thế Tôn đã quy định rằng: ‘Trẻ em dưới mười lăm tuổi không nên cho xuất gia.’ Hai đứa trẻ này dưới mười lăm

⁴⁶ Chi tiết việc ngài Rāhula xuất gia được ghi lại trong Tạng Luật *Vinaya Piṭaka*, Đại Phẩm *Mahāvagga*, Chương Trọng Yếu, Tụng phẩm thứ chín, đoạn 118

tuổi, vậy làm sao để có thể cứu độ và giáo hóa chúng?” Rồi ngài trình sự việc lên Đức Thế Tôn.

“Này Ānanda,” Đức Thế Tôn hỏi, “những đứa trẻ ấy có khả năng để đuổi các con quạ bay đi không?”

“Bạch Thế Tôn, chúng có khả năng.”

“Nếu chúng đuổi được quạ không để quấy phá chư Tăng khi đang hành thiền thì độ được. Như Lai cho phép xuất gia.”⁴⁷

Đức Phật quy định thêm và giải thích rằng: dưới bảy tuổi thì dù có khả năng đuổi quạ, hay trên bảy tuổi nhưng không có khả năng này, sẽ không được nhận xuất gia vì sẽ không chịu đựng được nếp sống phạm hạnh và không thể tự lo cho mình.

Từ đó có ba hàng sa di: sa di khu ô hay sa di đuổi quạ, sa di ứng pháp, và sa di danh tự.

Sa di khu ô hay sa di đuổi quạ là các sa di nhi đồng từ bảy tuổi đến mười ba tuổi, có phận sự đuổi quạ để giữ yên tĩnh cho chư Tăng trong giờ hành thiền.

Sa di ứng pháp gồm các sa di từ mười bốn tuổi đến mười chín tuổi. Đây là lứa tuổi thích ứng nhất

⁴⁷ Tạng Luật *Vinaya Piṭaka*, Đại Phẩm *Mahāvagga*, Chương Trọng Yếu, Tụng phẩm thứ tám, đoạn 113

cho hàng sa di vì có thể thọ trì trọn vẹn giới luật và oai nghi của sa di.

Sa di danh tự gồm các sa di từ hai mươi tuổi trở lên. Đây là những vị tuy đã đủ tuổi thọ giới cụ túc (*upasampadā*), tức giới bốn của một vị tỳ khưu, nhưng lại chưa đủ thời gian tu tập hay chưa đủ duyên để thọ giới, như không đủ số chư Tăng để làm lễ truyền giới hay chưa có y bát.

Đức Phật dạy vị sa di phải cố gắng nghiêm trì 10 điều học hay 10 giới sau (*sikkhāpada*):

1. không giết hại
2. không trộm cắp
3. không hành dâm
4. không nói dối
5. không uống rượu và dùng các chất gây say
sưa mê muội
6. không ăn phi thời
7. không múa, hát, đàn, và xem các trò tiêu
khiển thế gian
8. không sử dụng nước hoa và trang sức
9. không nằm ngòai chỗ sang trọng xa hoa
10. không thọ nhận tiền bạc của cải

Ngoài 10 điều học căn bản trên, chúng sa di còn phải thọ trì 10 điều học của pháp hình phạt

(*daṇḍakamma*⁴⁸), 10 điều học của pháp trực xuất (*nāsaṇaṅga*⁴⁹), và 75 điều học về oai nghi chánh hạnh (*sekhiyadhamma*)⁵⁰.

Thế là Rāhula gia nhập *Saṅgha*⁵¹ năm lên bảy tuổi. Thay vì là gia quyến của Đức Phật, hoàng tử Rāhula xuất gia và trở thành pháp quyến của Đức Bổn Sư. Thay vì thừa kế gia sản thế tục là đai vàng của dòng tộc vương giả, sa di Rāhula sẽ thừa kế bảy Thánh Sản cao thượng của dòng thánh.

Gia tài của đấng Từ Phụ chính là Pháp Bảo.



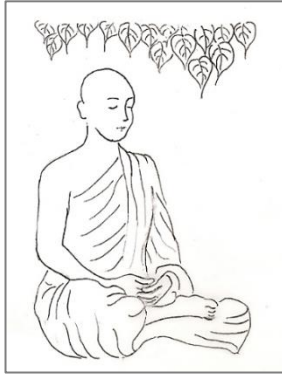
⁴⁸ *Daṇḍakamma*: Pháp hình phạt; sa di phạm 1 trong 10 điều học này thì bị thầy tỳ khưu cho hình phạt, như bị bắt gánh nước.

⁴⁹ *Nāsaṇaṅga*: Pháp trực xuất; sa di phạm 1 trong 10 điều học này thì bị trực xuất.

⁵⁰ *Sekhiyadhamma*: Pháp oai nghi chánh hạnh mà tỳ khưu và sa di phải học và hành; gồm 4 phần: 1) Mặc y cho nghiêm trang. 2) Thọ thực cho chỉnh tề. 3) Thuyết pháp cho đúng phép, 4) Oai nghi khi đại tiểu tiện.

⁵¹ Tăng già

PHẨM HẠNH BẬC XUẤT GIA



Theo một số bài kinh trong Trung Bộ Kinh và Tiểu Bộ Kinh, Rāhula thường cư ngụ trong cùng một trú xứ với Đức Phật và thỉnh thoảng đi trì bình khát thực với Đức Bốn Su⁵².

Cũng có khi Rāhula đi trì bình cùng ngài Sāriputta như lần Rāhula có mặt trong đoàn sa môn theo chân ngài Sāriputta đến nhà của mẹ ngài để khát thực. Mẹ ngài vừa rót bát cho các vị khát sĩ vừa xỉ vả ngài về việc ngài xuất gia sống đời khát

⁵² MN 61, 62, 147; Jāt. 16, Jāt. 319

sĩ. Ngài im lặng thọ dụng thức ăn rồi điềm đạm ôm bình bát trở về tịnh xá. Khi trở về, Rāhula thuật lại cho Đức Thế Tôn rõ. Nghe qua chuyện này Đức Thế Tôn đã khen ngợi hạnh nhẫn nại, vô sân của ngài Sāriputta giữa Tăng chúng⁵³.

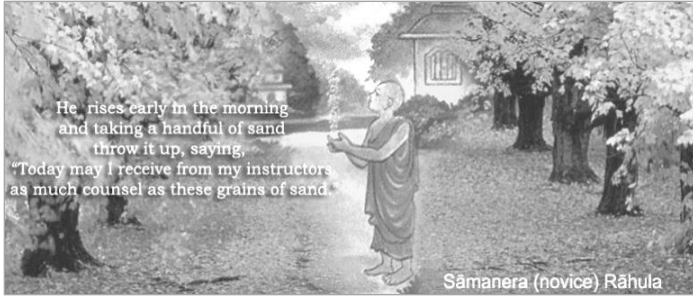
Hằng ngày chú sa di nhỏ Rāhula kề cận ngài Sāriputta, được ngài chăm sóc, giáo huấn và hướng dẫn tu tập pháp học cũng như pháp hành.

Thật khó hình dung được một cậu bé mới lên bảy, từng sống trong cung vàng điện ngọc và nhiều quyền uy, lại có thể hoan hỷ tri túc với nếp sống xuất gia đạm bạc của một vị khát sĩ, tuân thủ theo giới luật nghiêm ngặt của Tăng chúng, khiêm cung trong vai trò sa di bên cạnh chư tỳ khưu xuất thân từ mọi đẳng cấp đời thường, và tinh cần tu học để tìm cầu quả vị giải thoát.

Thế nhưng từ thuở ban đầu sa di Rāhula đã là một vị khát sĩ tí hon an vui với nếp sống thanh tịnh của người tu, biết vâng lời giảng dạy của các bậc trưởng thượng trong Tăng chúng, và đặc biệt rất nghiêm trì giới luật và hăng hái chuyên cần tu học.

Mỗi sáng Rāhula dậy thật sớm, bóc lên tay một nắm cát, tung lên không trung và nói:

⁵³ Chú giải Kinh Pháp Cú, DhP. 400



“Nguyện rằng ngày hôm nay ta sẽ học được nhiều lời dạy của các thầy như bao nhiêu cát đây!”

Đức Phật dạy rằng không chỉ hiện tại mà trong tiền kiếp Rāhula đã có các phẩm hạnh cao quý đặc biệt này.

Câu chuyện tiền thân về phẩm hạnh nghiêm trì giới luật của Rāhula dưới đây được Đức Bôn Sư kể khi Ngài đang ngụ tại tịnh xá Badarika ở Kosambī.

CHUYỆN CON NAI TRONG CẢ BA TƯ THẾ (TIỀN THÂN TIPALLATTHA-MIGA)⁵⁴

Câu chuyện khởi đầu từ một thời nọ, khi Đức Bôn Sư lưu trú ở đền Aggālava, gần thành Ālavi, nhiều tỳ khuru ni và nữ cư sĩ thường đến nơi đây

⁵⁴ Chuyện Tiền Thân Đức Phật, *Jātaka số 16*

thính pháp.

Trong thời gian đầu, Đức Phật và chư tỳ khưu trưởng lão ban pháp thoại vào ban ngày. Nhưng sau một thời gian, các tỳ khưu ni và nữ cư sĩ không đến nữa, chỉ còn nam cư sĩ và tỳ khưu. Từ đây, ban đêm là giờ thuyết pháp.

Sau buổi thuyết pháp, chư tỳ khưu trưởng lão đi về cốc của mình, còn các sa môn trẻ và nam cư sĩ ở lại tịnh xá qua đêm thì nghỉ ngơi ở giảng đường. Khi ngủ say, một số thầy tỳ khưu ngáy rất to tiếng và nghiêng rặng. Một vài vị chỉ thiu ngủ giãy lất rồi thức dậy nên chúng kiến sự kiện khiếm nhã ấy. Họ trình lên Đức Thế Tôn. Để tránh ý nghĩ bất kính đến các tỳ khưu yếu kém oai nghi chánh hạnh khi nằm ngủ, Đức Phật ban hành giới học mới thích ứng cho hoàn cảnh trên:

“Tỳ khưu nào nằm ngủ cạnh người chưa thọ cụ túc giới là phạm tội *pācittiya* (tội ba-dật-đề hay ung đôi trị, một tội nhẹ cần phải sám hối trước Tăng chúng).”⁵⁵

Ban điều luật mới xong, Ngài rời tịnh xá.

Lúc bấy giờ, dựa vào điều học mới, các thầy tỳ

⁵⁵ Tạng Luật, Bộ Phân Tích Giới Tỳ Khưu, Chương Ưng Đối Trị (Pācittiyakaṇḍam)

khuru nói với ngài Rāhula, lúc ấy còn là sa di:

“Hiền đệ Rāhula, Đức Thế Tôn đã đặt ra học giới mới. Đệ còn là sa di, chưa thọ tỳ khuru giới. Vậy từ nay đệ hãy tự đi tìm chỗ ở riêng của mình.”

Trước đây, vì chur tỳ khuru kính trọng Đức Bôn Sur và vì sa di Rāhula luôn luôn tha thiết mong được học hỏi các giới luật của hàng sa môn, cho nên các thầy ấy đã tiếp đón Rāhula vào ngụ tại cốc của họ, đặt một chiếc giường nhỏ trong cốc và cho Rāhula một cái y để xếp làm gối. Nhưng hôm ấy vì sợ vi phạm học giới mới nên các thầy không cho Rāhula chỗ ở nữa.

Trong hoàn cảnh khó khăn ấy, ngài Rāhula không đến tìm Đức Thế Tôn là phụ thân của mình, không đến tìm Trưởng lão Sāriputta, vị Tướng quân Chánh Pháp, là vị thầy giáo thọ của mình, không đến tìm Trưởng lão Mahā Moggallāna là bậc sư trưởng của mình, cũng không đến tìm Trưởng lão Ānanda là chú của mình. Rāhula chỉ lặng lẽ đi vào phòng vệ sinh của Đức Thế Tôn và trú qua đêm ở đấy.

Phòng vệ sinh của Đức Phật ở ngoài trời, cạnh cốc của Ngài, cửa luôn luôn khép kín, nền bằng phẳng và làm bằng đất thơm, hoa tươi kết thành

vòng trang trí dọc theo các bức tường, và đèn thấp sáng suốt đêm. Rāhula trú qua đêm ở đây như thể đang trú trong một cung điện ở cõi trời.

Nhưng không vì cảnh trí đẹp đẽ cao quý này mà Rāhula trú ở đây. Chú sa di trọng giới trú ở đây chỉ vì các vị tỳ khuru nói với chú hãy tìm lấy chỗ ở riêng, và chú thì luôn luôn tôn trọng lời chỉ dạy của các vị sa môn huynh trưởng cũng như tha thiết muốn nghiêm trì giới luật của Tăng già.

Thật vậy, để thử thách tánh hạnh của sa di Rāhula, thỉnh thoảng các thầy tỳ khuru thường vút ra giữa đường đi trong tịnh xá một cái cán chổi hay một ít rác rưởi khi thấy chú từ xa tiến lại. Các vị chờ khi chú đi qua bèn hỏi:

“Ai xả rác này đây?”

Rồi các vị lại nói tiếp:

“À, Rāhula vừa đi ngang qua đó mà.”

Biết là lời gián tiếp vu oan nhưng Rāhula không bao giờ phân trần cải chính hay tỏ vẻ giận dữ. Trái lại, chú im lặng, ngoan ngoãn dọn sạch rác ấy, khiêm tốn xin lỗi, và chỉ sau khi nghe lời tha lỗi từ các sa môn huynh trưởng rồi chú mới bước đi. Lúc nào Rāhula cũng tôn trọng bậc trưởng thượng và mong muốn hành trì mọi học giới.

Cũng như vậy, Rāhula lẳng lặng trú qua đêm trong phòng vệ sinh của Đức Phật.

Thế rồi Đức Thế Tôn trở về khi trời còn chưa hừng sáng. Ngài đứng trước cửa phòng vệ sinh và đảnh hăng. Rāhula đảnh hăng lại.

“Ai đó?” Đức Thế Tôn hỏi.

“Thưa, con là Rāhula.”

Rồi chú sa di trẻ bước ra cung kính đảnh lễ Đức Tôn Sư.

“Rāhula, vì sao con ngủ ở đây?”

“Bạch Thế Tôn, vì con không có chỗ nào để tạm ở qua đêm sau giờ pháp thoại. Trước đây chư tỳ khưu rất tử tế cho con ở chung cốc, nhưng nay vì chư vị sợ vi phạm giới luật nên không dám cho con ở chung như vậy nữa. Vì vậy con tạm trú ở đây, bởi vì con nghĩ rằng đây là một chỗ riêng biệt sẽ không làm ai vì phải chung đụng với con mà phạm giới.”

Nghe vậy Đức Thế Tôn suy nghĩ: “Với Rāhula mà chư tỳ khưu còn đối xử như vậy, thì với những thanh thiếu niên mà họ mới cho xuất gia và thu nhận vào Tăng chúng, có gì họ không làm được?” Và tâm Ngài rúng động bởi lòng bi mẫn, thương cảm cho chúng sanh phải ngập lặn trong khổ đau

khi còn đang trên con đường tìm cầu Chân Lý.

Sáng sớm hôm đó, Đức Bôn Sư triệu tập chư tỳ khuru và ôn tồn hỏi vị Tướng Quân của Chánh Pháp:

“Này Sāriputta, chắc con biết hiện nay Rāhula tạm trú ở đâu?”

“Bạch Thế Tôn, con không biết.”

“Sāriputta, Rāhula hiện đang tạm trú ở trong phòng vệ sinh! Này Sāriputta, nếu các con đối xử với Rāhula như vậy, thì còn có gì các con không làm được với những thanh thiếu niên mà các con mới cho xuất gia và thu nhận vào Tăng chúng? Cư xử như vậy sẽ không giữ lại được những ai gia nhập đoàn thể Tăng già. Từ đây về sau, các con được phép cho sa di của mình tạm trú chung phòng một hay hai ngày. Đến ngày thứ ba cho họ ra trú ở ngoài, và các con cần phải quan tâm đến và biết chỗ ở của họ.”

Rồi Đức Thế Tôn chế định học giới với điều khoản phụ này.

Sau đó chư tỳ khuru ngồi với nhau ở chánh điện, tán thán giới hạnh của Rāhula:

“Thưa chư huynh đệ, xem kìa Rāhula ham tu học và thật tha thiết nghiêm trì giới luật! Khi được

bảo hãy tự đi tìm chỗ ở của mình, Rāhula đã không nói: ‘Ta là con của Thế Tôn,’ để đòi ở chung trong một cốc với ai, cũng không dành chiếm chỗ ở của bất cứ một sa môn nào, mà chỉ lẳng lặng đến tạm trú ở phòng vệ sinh để không ai vi phạm điều học.”

Khi chư tỳ khuru đang đàm luận như vậy, Đức Bốn Sư bước vào chánh điện, ngồi xuống bảo tòa, rồi từ tôn hỏi:

“Chư tỳ khuru, các con đang đàm luận việc gì?

“Bạch Thế Tôn, chúng con đang nói đến phẩm hạnh ham tu học và tha thiết nghiêm trì giới luật của Rāhula.”

Đức Phật dạy:

“Không phải đến bây giờ Rāhula mới có phẩm hạnh này mà đã có từ trong tiền kiếp, khi sanh vào một kiếp thú vật.”

Rồi Đức Thế Tôn kể câu chuyện tiền thân sau.

Vào thuở xa xưa, một vị vua xứ Magadha⁵⁶ đang trị vì tại Rājagaha⁵⁷. Lúc ấy Bồ Tát sanh làm một con nai trưởng đàn của một đàn nai sống quây quần ở trong rừng.

⁵⁶ Ma kiệt đà

⁵⁷ Vương xá

Một ngày nọ nai chị của Ngài đem con mình đến trước mặt Ngài và yêu cầu:

“Này em, hãy dạy cho cháu của em những mưu mẹo khôn ngoan để sanh tồn của loài nai.”

Bồ Tát nói với chị:

“Chị ơi, chị hãy yên tâm. Cháu sẽ được chỉ dạy cặn kẽ.”

Rồi Bồ Tát ôn tồn nói với nai cháu:

“Cháu thân mến, bây giờ cháu hãy rời khỏi nơi đây, và rồi trở lại vào giờ như vậy và như vậy để học tập.”

Tuân theo lời cậu dạy, con nai trẻ luôn luôn có mặt đúng vào giờ đã hẹn và dốc tâm sức vào việc học tập.

Một ngày nọ, khi đang đi trong rừng, nai cháu bị sập bẫy mắc lưới và lập tức thốt lên tiếng kêu của một con thú bị bắt để báo tin cho đàn. Đàn nai bỏ chạy và về báo tin dữ cho nai mẹ biết.

Nai mẹ tìm đến nai em và hỏi:

“Em ơi, cháu đã được chỉ dạy những mưu mẹo khôn ngoan để sanh tồn của loài nai chưa?”

Bồ Tát dịu dàng trấn an nai chị:

“Đừng lo sợ chị nhé. Cháu sẽ thoát nạn. Cháu đã được chỉ dạy đầy đủ các mưu mẹo và học tập kỹ

lưỡng tất cả; rồi cháu sẽ trở về ngay để chị yên lòng và mừng vui.”

Nói xong, Bồ Tát đọc bài kệ sau:

*Trong cả ba tư thế:
Thế nằm thẳng trên lưng
Hay nằm nghiêng mỗi bên,
Con của chị khôn ngoan,
Học dùng chân tám móng;
Chỉ giải khát giữa khuya;
Khi nằm duỗi trên đất
Để bất động giả chết,
Thở chỉ với mũi dưới.
Với các mưu mẹo này,
Cháu biết gạt kẻ thù.*

Và như thế Bồ Tát giải thích rõ ràng những gì cháu mình đã học để nai chị yên lòng trong lúc chờ con thoát nạn trở về.

Trong lúc đó, con nai trẻ bị sập bẫy không vùng vẫy mà nằm nghiêng một bên hông, chân duỗi thẳng cứng. Tiếp đó nai dùng móng chân cào xới đất và cỏ chung quanh chỗ nằm và hát lên khắp nơi như đã dạy dựa nơi ấy hồi lâu; đi tiểu và đại tiện tại chỗ; gục đầu xuống; lè lưỡi; phun bọt và

nước miếng lên khắp thân; xong nai nín thở khiến bụng trướng lên; trợn mắt; chỉ thở với một lỗ mũi ở dưới, lỗ mũi ở trên nín thở; rồi nai giữ toàn thân cứng đờ như một xác chết.

Tưởng nai đã chết, những con ruồi xanh bu quanh thân nó, và các con quạ cũng xà xuống, đậu đó đây.

Khi đi đến bên bãi nai, người thợ săn lấy tay vỗ vào bụng nai rồi lẩm bẩm:

“Con nai này chắc đã bị sập bãi và chết từ sáng sớm này nên giờ đây bắt đầu sinh trương rồi. Bây giờ ta cắt xẻo nó ngay tại đây, nướng lên, rồi mang thịt nó về.”

Nói xong, người thợ săn tháo gỡ dây lưới trói nai rồi, không chút ngờ vực gì, bỏ đi lượm cây lá khô để nhóm lửa.

Lúc ấy con nai con liền trỗi dậy, co duỗi thân để khởi động, vươn cổ; và rồi như một cụm mây nhỏ cuốn bay trước cơn gió lốc, nai con phóng chạy rất nhanh về với mẹ.

Kể xong chuyện, Đức Bổn Sư giải thích tiền thân: “Trong kiếp ấy, Rāhula là con nai trẻ, Uppalavaṇṇā là nai mẹ, và Như Lai là nai cậu.”

Đức Bồ Sư còn kể thêm một câu chuyện tiền thân khác về Rāhula khi Ngài đang ngụ tại tịnh xá Badarika ở Kosambī.

CHUYỆN CHIM ĐA ĐA
(TIỀN THÂN TITTIRA)⁵⁸

Lúc bảy giờ, trong chánh điện, các tỳ khưu cũng đang ca ngợi rằng ngài Rāhula rất tinh cần tu học, giới hạnh, và nhẫn nhục. Đức Phật đi vào và khi nghe chư Tăng trình bày đề mục đang đàm luận, Ngài dạy:

“Không phải đến bây giờ Rāhula mới có phẩm hạnh này mà đã có từ trong tiền kiếp.”

Rồi Đức Thế Tôn kể về một tiền kiếp khác của Rāhula.

Một thuở xưa khi vua Brahmadata trị vì ở Benares, Đức Bồ Tát sanh ra trong một gia đình bà-la-môn.

Khi lớn lên, Ngài theo học tất cả ngành nghệ thuật tại Takkasilā, và rồi một ngày nọ Ngài từ bỏ thế tục để sống đời ẩn sĩ khổ hạnh trong vùng

⁵⁸ Chuyện Tiền Thân Đức Phật, *Jātaka* số 319

Tuyết Sơn, chuyên tâm hành thiền và thành tựu các chứng đắc cao thượng.

Sau một thời gian ẩn cư trong sơn động, Ngài đến một ngôi làng ở biên giới để tìm muối và giấm. Khi dân làng trông thấy phong cách thanh tịnh và oai nghiêm của vị ẩn sĩ, họ phát tín tâm, dựng thảo am trong rừng cho Ngài và cúng dường các vật dụng cần thiết.

Lúc bấy giờ một người bẫy chim trong làng bắt được một con chim đa đa. Ông nhốt nó trong lồng và luyện tập nó cẩn thận để trở thành một con chim đa đa mồi. Rồi ông mang nó vào rừng và dùng tiếng kêu của nó như các con đa đa khác đến gần để bắt.

Chim đa đa tự nghĩ: “Nếu ta lên tiếng kêu thì sẽ vì ta mà bao nhiêu đồng loại lâm vào cái chết. Đây sẽ là một hành động sát sanh độc ác do ta gây nên.” Vì thế nó lặng thinh.

Khi chủ nó thấy nó cứ im thin thít, ông dùng một thanh tre đập lên đầu nó. Đau quá nên chim đa đa bật kêu thành tiếng. Cứ như thế mà người bẫy chim sinh sống bằng cách dùng nó để nhử và giết các con đa đa khác.

Rồi chim đa đa suy nghĩ: “Cho dù chúng chết

vì hành động của ta, nhưng về phần ta, ta không hề có tác ý xấu ác. Khi ta lặng thinh thì chúng không đến; khi ta thốt tiếng kêu thì chúng đến. Và hễ con nào đến đều bị người này bắt và giết chết. Nhưng về phần ta, những hậu quả xấu ác từ hành động không có tác ý như thế có ảnh hưởng gì đến nghiệp của ta không, có khiến ta phạm tội sát sanh hay không?”

Từ đó suy tư duy nhất của chim đa đa là: “Ai có thể hóa giải hoài nghi này cho ta?” Chim mong sao được gặp một bậc thiện trí có thể giúp nó giải quyết mối nghi này.

Một ngày nọ, người bẫy chim như bắt được rất nhiều chim đa đa. Ông chắt chúng đầy giỏ rồi đến túp lều của Bồ Tát xin nước uống. Đặt giỏ chim gần bên Bồ Tát, ông uống nước xong rồi nằm lăn ra đất ngủ.

Thấy ông ngủ say, chim đa đa nghĩ: “Ta sẽ hỏi vị ẩn sĩ này về mối hoài nghi của ta; nếu ngài biết, ngài sẽ giúp ta hóa giải nỗi khổ tâm này.”

Thế là từ trong lòng, chim đa đa đọc một bài kệ để trình câu hỏi lên vị ẩn sĩ:

*Con sống đời hạnh phúc mỗi ngày,
Thực phẩm được cung ứng đủ đầy.*

*Nhưng con bấp bênh trong nghiệp cảnh,
Quả báo vị lai dữ hay lành?*

Bồ Tát thốt lên kệ sau để trả lời:

*Nếu tâm không mảy may xấu độc
Khiến nảy sanh hành động ác hèn,
Trong vai trò thụ động mà thôi,
Thì con không vương vào nghiệp tội.*

*Chim đa đa nghe vậy liền thốt lên bài kệ tiếp để
trình bày nỗi băn khoăn nghi hoặc:*

*“Kìa! Thân tộc của ta.” Chúng nói.
Rồi cả đoàn bay đến để coi.
Nếu chúng chết, tội con có phải?
Hoài nghi này xin ngài hóa giải.*

*Biết rằng chim đa đa vì bị đánh đau nên bật
tiếng kêu chứ không hề có tác ý bất thiện, với lòng
bi mẫn Bồ Tát giải nghi cho chim đa đa:*

*Nếu tội không ẩn núp trong tâm,
Thì hành động sẽ là vô tội.
Kẻ nào trong vai trò thụ động,
Không phạm tội, không vương nghiệp báo.*

Qua những lời kể tỏ tường trên bậc Đại Sư đã khuyên giải chim đa đa thoát khỏi hoài nghi phạm tội sát sanh. Và nhờ ngài mà con chim ấy không còn bị ray rứt ân hận nữa. Lúc ấy người bẫy chim thức dậy, cúi chào Bồ Tát và xách lồng chim đi.

Đức Phật giải thích tiền thân:

“Trong kiếp ấy, Rāhula là con chim đa đa, còn Như Lai là vị ả sĩ.”

PHÁP BẢO CHO RĀHULA



Dù giao việc dạy dỗ Rāhula cho vị thầy giáo thọ, ngài Sāriputta, nhưng Đức Phật vẫn thường xuyên quan tâm giáo huấn và hướng dẫn Rāhula từ lúc ngài còn là chú sa di bảy tuổi chập chững trên đường đạo cho đến khi là vị tỳ khưu hai mươi một tuổi chứng đắc thánh quả cao quý nhất, thánh quả a-la-hán (*arahatta*).

Thế nhưng quan tâm đó Đức Bổn Sư không chỉ dành riêng cho Rāhula như một người cha bình thường dành riêng cho đứa con trai đầu lòng và duy nhất, bởi vì bậc Giác Ngộ rải tâm từ bi đều khắp chúng sanh, không phân biệt. Do đó ngài Sāriputta đã ca ngợi Thầy:

“Đức Vô Thượng Sư có tâm đại từ đại bi đồng đẳng đối với tất cả chúng sanh. Ngài đối với

Devadatta, Angulimāla, và voi Nālāgirī cũng giống như đối với Rāhula vậy.”⁵⁹

Devadatta là người anh em họ của Đức Phật, từ lúc còn trẻ đã luôn luôn ganh ghét chống đối Ngài. Về sau ông cũng xuất gia nhưng phá hoại Tăng già, và còn nhiều lần âm mưu hãm hại và giết Đức Phật. Cuối đời, Devadatta ăn năn hối hận và kịp phát nguyện quy y với Đức Thế Tôn ngay trước khi chết.

Angulimāla là một tướng cướp sát nhân nhưng nhờ duyên lành được Đức Phật quán thấy căn cơ mà cứu độ và cho xuất gia thọ giới tỳ khưu. Xúc động trước ân đức của Đức Bổn Sư, Angulimāla quay đầu sám hối, sống đời sa môn phạm hạnh, và cuối cùng chứng đắc thánh quả a-la-hán.

Còn Nālāgirī là một đại tượng bất kham, hung hãn mà Devadatta cho uống rượu thật say rồi thả chạy loạn vào con đường có Đức Phật đang đi trì bình cốt ý giẫm đạp Ngài. Thế nhưng Ngài đã dịu dàng niệm rải tâm từ đến voi. Trước Đức Thế Tôn tĩnh lặng hiền hòa đứng yên trên đường, voi dừng chân điên loạn và quỳ phủ phục trước mặt Ngài.

⁵⁹ Mi Tiên Vấn Đáp 232 và Chú giải Tương Ưng Bộ Kinh SNA.i.202 (Chú giải có thêm tên voi Nālāgirī)

Dù là ai, là chúng sanh nào, từ người đã nhiều lần cố tâm hãm hại mình đến đứa con ruột thịt, Đức Bổn Sư cũng đều mở lòng từ bi bình đẳng và vô lượng để giáo huấn và hóa độ.

GIÁO HUẤN TỪ TIỀN KIẾP

Không phải chỉ ở kiếp này mà trong nhiều tiền kiếp Đức Bồ Tát đã từng quan tâm chỉ dạy và hướng dẫn cho Rāhula.

CHUYỆN CON KHỈ GIẢ DẠNG ẨN SĨ (TIỀN THÂN KAPI)⁶⁰

Đức Phật kể chuyện tiền thân này khi Ngài đang trú ở tịnh xá Jetavana.

Thuở xưa, khi vua Brahmadata trị vì ở Benares, Bồ Tát sanh ra trong một gia đình bà-la-môn. Khi Bồ Tát đến tuổi trưởng thành, Ngài lập gia đình và có một người con trai. Rồi người vợ qua đời lúc cậu bé vừa đến tuổi biết chạy chơi.

Chôn cất vợ xong, Bồ Tát bồng con trai đi vào vùng rừng núi Tuyết Sơn. Nơi đây Ngài sống đời

⁶⁰ Chuyện Tiền Thân Đức Phật, *Jātaka* số 250

ấn sĩ thanh đạm trong một túp lều lá, nuôi dưỡng và dạy con tu hành khổ hạnh cũng như mình.

Trong một ngày mưa rơi như thác đổ, Bồ Tát vào rừng sâu mang về một thanh củi lớn, đốt lửa sưởi ấm hai cha con, rồi nằm nghỉ trên chiếc giường nhỏ. Đưa con trai ngồi cạnh bên, xoa bóp chân cha cho đỡ mỏi và lạnh.

Lúc bấy giờ, có một con khỉ lạnh cóng, run cầm cập và đi lang thang tìm nơi trú ẩn. Thấy ngọn lửa tỏa ấm trong túp lều của hai cha con Bồ Tát, con khỉ suy nghĩ và tìm kế để được vào trong lều sưởi ấm.

Một lát sau, nó tìm được chiếc áo khoác của một vị ẩn sĩ đã chết và mặc vào người. Rồi nó cầm cây gậy và bình nước, giả dạng một ẩn sĩ, đi đến đứng trước túp lều của hai cha con Bồ Tát.

Thấy con khỉ, cậu bé nói với cha:

“Trông kìa, cha ơi, có một nhà tu khổ hạnh đang đứng lạnh run cầm cập trước lều. Dáng vẻ vị ấy trông an tịnh và thánh thiện. Mình hãy mời vị ấy vào đây sưởi ấm với mình cha nhé.”

Nghe con nói như vậy, Bồ Tát liền đứng dậy nhìn. Xem xét cẩn thận, Ngài biết đó là một con khỉ giả dạng người tu để lừa phỉnh người.

“Con à,” Bồ Tát nói với con, “đó không phải là một vị ẩn sĩ thánh thiện mà là một con khỉ xảo

quyết, thuộc loài tham lam và gian dối, đang đội lớp áo người tu. Một khi cho nó vào đây, nó sẽ làm ô nhiễm căn nhà thanh tịnh này.”

Nói xong, Bồ Tát lấy một que lửa dọa con khỉ và đuổi nó chạy đi. Sau ngày ấy, nó không bao giờ trở lại quấy rầy hai cha con Bồ Tát nữa.

Bồ tát nỗ lực tu tập, chuyên tâm hành thiền và thành tựu các chứng đắc cao thượng. Ngài chỉ dạy cho con tu tập và chứng đắc như Ngài. Sau khi mệnh chung, cả hai vị tái sanh vào cõi Phạm thiên.

Kể xong câu chuyện, bậc Đạo Sư giải thích tiền thân: “Trong kiếp ấy, người con trai của vị ẩn sĩ là Rāhula, còn vị ẩn sĩ là Như Lai.”

PHÁP BẢO



Tạng Kinh (*Sutta Piṭaka*) của kinh điển Pāli có ghi lại nhiều bài pháp và kệ Đức Phật đã ban cho Rāhula để giáo huấn hay hướng dẫn ngài tiến tu trên con đường giác ngộ và giải thoát.

Trong những năm đầu tu hạnh sa di, Rāhula thường được Đức Bôn Sư giảng giải bài Kinh Thiểu Nhi Vấn Đạo, *Kumāra Pañhā*.

KINH THIẾU NHI VẤN ĐẠO⁶¹

Bài kinh này nằm trong phần Kinh Tiểu Tụng *Khuddakapāṭha* của Tiểu Bộ Kinh *Khuddaka Nikāya*, gồm mười câu hỏi mà một vị sa di nên hỏi và suy nghiệm.

1. Thế nào là một? - Vật thực (*āhāra*); mọi chúng sanh đều nhờ vật thực mà tồn tại⁶²

2. Thế nào là hai? - Danh và sắc (tâm và thân)

3. Thế nào là ba? - Ba loại cảm thọ (lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ)

4. Thế nào là bốn? - Bốn Thánh Đế (khổ, tập, diệt, đạo)

5. Thế nào là năm? - Năm uẩn (ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức)

6. Thế nào là sáu? - Sáu nội xứ (lục căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý)

7. Thế nào là bảy? - Bảy giác chi (bảy yếu tố

⁶¹ Kinh này còn gọi là Sa Di Vấn Đạo (*Sāmaṇera Pañha*) và được Đức Phật thuyết lần đầu tiên cho sa di Sopāka. Sopāka đắc thánh quả a-la-hán lúc bảy tuổi.

⁶² Có bốn loại vật thực: đoàn thực (vật thực ta ăn bằng miệng), xúc thực, niệm thực, và thức thực (Kinh Chánh Tri Kiến *Sammādiṭṭhi Sutta*, MN 9)

giác ngộ: niệm, trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, định, xả)

8. Thế nào là tám? - Tám Thánh Đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định)

9. Thế nào là chín? - Chín cõi cư trú của các loài hữu tình (dục giới, sơ thiên sắc giới, nhị thiên sắc giới, tam thiên sắc giới, tứ thiên sắc giới, không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ)

10. Thế nào là mười? - Mười yếu tố phẩm hạnh của một vị a-la-hán (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh trí, chánh giải thoát)

Năm sa di Rāhula bảy tuổi, Đức Thế Tôn còn thuyết giảng cho chú sa di nhỏ về hạnh chân thật trong bài Kinh Giáo Huấn Rāhula Ở Lâm Viên Ambala, *Ambalaṭṭhikā-Rāhulovāda Sutta*.

Như bao trẻ thơ ngây cùng lứa tuổi, Rāhula đôi lúc cố tình nói dối để khỏa lấp tội nghịch ngợm ham vui hay để chọc ghẹo người khác lúc vui đùa.

Tuy chú không có ác ý lường gạt hay hãm hại ai nhưng như vậy chú cũng đã phạm giới thứ tư – không nói dối – một trong những điều học căn bản hàng đầu của một vị tu sĩ.

Đức Phật biết được việc này nên sớm nghiêm huấn chú sa di trẻ về tầm quan trọng của hạnh chân thật, bởi Giới chính là nền tảng để rèn luyện đức độ và trí tuệ của một vị sa môn trên đường tu tìm cầu giác ngộ.

Không lớn tiếng rầy la, không răn đe bằng hình phạt, cũng không hứa hẹn bằng phần thưởng thế gian, Đức Bổn Sư đem lòng từ mẫn bao dung và trí tuệ viên dung mà ban giáo huấn cho chú sa di bảy tuổi Rāhula.

Để chú dễ thấu hiểu và ứng dụng lời giáo huấn, Bạc Điều Ngự Trượng Phu⁶³ đã dùng những thuật ngữ và lý lẽ đơn giản thích hợp với căn cơ lứa tuổi của chú để giảng giải Giáo Pháp. Ngài còn sử dụng nhiều hình ảnh, so sánh, đối chiếu trong đời sống thường nhật khi thuyết bài pháp ngắn nhưng thâm sâu này cho chú dễ nhập tâm.

⁶³ *Purisadammasārathi*: Vị có khả năng nhiếp phục những người nên được điều phục, và hướng dẫn họ đi theo Chánh Pháp

KINH GIÁO HUẤN RĀHULA Ở LÂM VIÊN AMBALA⁶⁴

Lúc bảy giờ, Đức Phật đang ngủ ở tịnh xá Veluvana⁶⁵, còn trú xứ của Rāhula là lâm viên Ambalaṭṭhikā⁶⁶.

Vào một buổi chiều sau giờ hành thiền, Đức Bốn Sư đến chỗ ở của Rāhula. Thấy Đức Phật từ xa đi lại, Rāhula liền sửa soạn chỗ ngồi và chậu nước rửa chân cho Ngài. Ở Ấn Độ thời bảy giờ có phong tục là khi một vị khách đáng kính đến thăm thì người trong nhà mang chậu nước cho khách rửa chân để biểu lộ sự kính trọng dành cho khách.

Đức Phật ngồi xuống và rửa chân. Trong lúc đó, Rāhula cung kính đánh lễ rồi ngồi xuống một bên Ngài.

Rửa chân xong Đức Phật đổ nước đi nhưng còn giữ lại một ít nước trong chậu. Rồi Ngài ôn tồn hỏi Rāhula:

“Này Rāhula, con có thấy một chút ít nước còn lại trong chậu không?”

⁶⁴ Trung Bộ Kinh *Majjhima Nikāya*, MN 61 – trích yếu

⁶⁵ Veluvana: Tịnh xá Trúc Lâm, gần thành Rājagaha (Vương Xá), do Vua Bimbisāra cúng dường lên Đức Phật và Tăng chúng

⁶⁶ Ambalaṭṭhikā: Lâm viên Ambala, nằm ở giữa thành Rājagaha và thị trấn Nālandā

“Dạ con thấy, bạch Thế Tôn.”

Đức Phật nghiêm giọng:

“Cũng ít như vậy, này Rāhula, là sa môn hạnh⁶⁷ của những người biết mà cố ý nói dối, không biết hổ thẹn, không có tâm quý.”

Rāhula cúi đầu nín thính. Đức Phật đổ hết nước trong chậu đi rồi hỏi Rāhula:

“Rāhula, con có thấy chút ít nước còn lại đó đã bị đổ hết đi không?”

“Dạ con thấy, bạch Thế Tôn.”

“Cũng đổ hết đi như vậy, này Rāhula, là sa môn hạnh của những người biết mà cố ý nói dối, không biết hổ thẹn, không có tâm quý.”

Rồi Đức Phật lật úp chậu và hỏi:

“Rāhula, con có thấy chậu nước bị lật úp không?”

“Dạ con thấy, bạch Thế Tôn.”

“Cũng đảo lộn như vậy, này Rāhula, là sa môn hạnh của những người biết mà cố ý nói dối, không biết hổ thẹn, không có tâm quý.”

“Dạ con thấy, bạch Thế Tôn.”

Cuối cùng, Đức Phật lật ngửa chậu nước trở lại và hỏi:

⁶⁷ *Samaññaṃ*: hạnh của một vị sa môn (*samaṇa*)

“Rāhula, con có thấy chậu nước trống rỗng không?”

“Dạ con thấy, bạch Thế Tôn.”

“Cũng trống rỗng như vậy, này Rāhula, là sa môn hạnh của những người biết mà cố ý nói dối, không biết hổ thẹn, không có tầm quý.”

Rồi Đức Phật dạy chú sa di nhỏ:

“Ví như con voi ra trận, dù nó sử dụng tất cả các bộ phận của cơ thể để lâm chiến nhưng nếu biết bảo vệ cái vòi là biết giữ mạng sống. Còn nếu nó dùng luôn cả cái vòi tức đã thí mạng. Vòi con voi liễu mạng như vậy thì không việc gì sẽ không làm. Cũng vậy, kẻ cố ý nói dối mà không biết hổ thẹn là kẻ xem thường huệ mạng, không điều bất thiện nào mà không dám làm. Vì vậy, Rāhula, con phải cương quyết rèn luyện tâm tánh rằng: ‘Dù chỉ để đùa chơi ta cũng sẽ không nói dối.’”

Im lặng giây lát để Rāhula nhập tâm lời căn dặn rồi Đức Phật tiếp lời:

“Rāhula, con có biết tám gương dùng để làm gì không?”

“Dạ thưa để phản chiếu cho ta soi mình, bạch Thế Tôn.”

“Cũng vậy, như người soi gương con phải quán

sát và suy xét hành động, lời nói, ý nghĩ của con khi muốn làm, hay đang làm, hoặc đã làm.

“Nếu biết nó gây hại cho chính con, gây hại cho người, hoặc gây hại cho cả mình và người – tức là bất thiện pháp, đưa đến khổ đau – thì cương quyết không làm, hay ngừng lại, hoặc sám hối và nguyện từ nay về sau sẽ từ bỏ.

“Nếu biết nó không gây hại cho chính con, không gây hại cho người, và không gây hại cho cả mình và người – tức là thiện pháp, đưa đến an vui – thì hãy hoan hỷ tiếp tục hành trì thiện pháp ấy.

“Miên mật quán xét là phương pháp thanh tịnh ba nghiệp thân khẩu ý mà tất cả các sa môn và phạm thiên trong quá khứ, vị lai, và hiện tại đều thực hành.”

Đức Thế Tôn dạy tiếp:

“Do vậy, Rāhula, con phải tự tu tập bằng cách tinh cần miên mật quán xét thân khẩu ý. Có như vậy con sẽ thanh tịnh được ba nghiệp thân khẩu ý của mình.”

Với lời ấy đáng Từ Phụ kết thúc bài pháp cho chú sa di mới xuất gia, Rāhula. Chú thành tâm hoan hỷ thọ lãnh.

Thấm thoát mười năm trôi qua. Vào năm sa di Rāhula lên mười tám tuổi, Đức Thế Tôn thuyết giảng cho chú Đại Kinh Giáo Huấn Rāhula *Mahā-Rāhulovāda Sutta*.

ĐẠI KINH GIÁO HUẤN RĀHULA⁶⁸

Thời gian ấy Đức Phật đang trú ở Sāvatti, tại Jetavana, tịnh xá đại thí chủ Anāthapiṇḍika⁶⁹ cúng dường. Một buổi sáng Đức Phật đắp y, vào thành trì bình khát thực. Rāhula cũng đắp y, ôm bát đi khát thực ngay sau lưng Ngài.

Sau một đoạn đường, tuy vẫn bước chậm đều theo sau Đức Thế Tôn nhưng chú sa di không còn an trú trong chánh niệm nữa. Chân chú bước đều nhưng tâm không quán sát bước đi mà lại nghĩ đến chuyện khác. Chú len lén nhìn vẻ đẹp toàn bích, tướng hảo quang minh, và phong cách thanh tịnh oai nghiêm của Đức Phật.

Rāhula cũng có thân tướng đẹp đẽ uy nghi và dũng khí của giai cấp chiến sĩ trong hoàng tộc như cha mình. Hai vị khát sĩ đi cạnh nhau trông như vương tượng oai phong bên tượng con khỉ kính,

⁶⁸ Trung Bộ Kinh *Majjhima Nikāya*, MN 62 – trích yếu

⁶⁹ Cư sĩ Cấp Cô Độc

như thiên nga tuyệt đẹp bơi cùng thiên nga con khả ái trên mặt hồ vườn thượng uyển, như hồ chứa hào hùng và hùm con lẫm liệt.

Chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Đức Phật, Rāhula nghĩ thầm: “Ta cũng đẹp như cha ta, Đức Thế Tôn. Thân tướng của Ngài đẹp biết bao, và thân tướng của ta cũng đẹp như vậy.”

Kỳ diệu thay, chú nghĩ thầm mà Đức Thế Tôn biết chú đã mất chánh niệm và còn đọc được tư tưởng của chú lúc ấy. Đang đi, Ngài dừng chân và quay lại. Đoàn khất sĩ đang bước theo sau Ngài cũng dừng bước.

Ngài nghiêm nghị nhìn Rāhula và lên tiếng khiển trách:

“Này Rāhula, bất cứ sắc pháp nào thuộc quá khứ, vị lai, hay hiện tại; nội hay ngoại; thô hay tế; tầm thường hay cao quý; xa hay gần: tất cả sắc pháp đều phải được quán sát để nhận biết thực tướng của nó, với trí tuệ biện biệt rằng: ‘Sắc pháp này không phải của ta; sắc pháp này không phải là ta; sắc pháp này không phải là tự ngã của ta.’”

Rāhula cung kính bạch Đức Phật:

“Bạch Thế Tôn, có phải chỉ quán sắc như vậy không?”

“Rāhula,” Đức Phật trả lời vẫn tắt, “phải quán như vậy với cả năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.”

Ban xong lời dạy, Đức Phật chậm rãi quay lại và tiếp tục bước đi. Đoàn chư Tăng cũng nối bước Ngài.

Riêng Rāhula đứng sang một bên, yên lặng suy tư về lời khiển trách của Bốn Sư. Chú thấy lòng hồ thẹn như một kẻ trộm bị bắt gặp quả tang và nhủ thầm: “Ai còn có thể đi vào làng khát thực hóa duyên hôm nay sau khi được nghe những lời giáo huấn và sách tấn trực tiếp từ kim khẩu Đức Thế Tôn như vậy?”

Nghĩ vậy, Rāhula quyết định không theo đoàn khát sĩ vào làng trì bình như mọi hôm. Chú quay lại, tìm một cội cây, ngồi kiết già, lưng thẳng, và dự định giữ chánh niệm trên đề mục quán ngũ uẩn mà Đức Phật vừa giảng dạy.

Vào thời gian này ngài Sāriputta cũng đang cư trú ở Jetavana. Thường thì mỗi khi hai vị trưởng đệ tử – Sāriputta và Moggallāna – ở cùng tịnh xá với Đức Phật, hai ngài không đi theo Đức Phật trì bình lúc sáng sớm như các vị tỳ khuru khác mà ở lại lo Tăng sự như quét dọn tịnh xá hay vấn an các

vị tỳ khuru đang lâm bệnh. Rồi hai ngài mới đi trị bình hoặc thọ trai ở nhà một thí chủ.

Sáng hôm ấy, khi đi trị bình sau đoàn khát sĩ, ngài Sāriputta nhìn thấy Rāhula đang ngồi kiết già dưới cội cây nên tưởng rằng chú đang thực tập thiền quán niệm hơi thở, không biết rằng Rāhula đang thực tập thiền quán trên một đē mục vừa được Đức Thế Tôn giảng dạy. Vì vậy vị thầy từ mẫn sách tấn người đệ tử trẻ:

“Này Rāhula, hãy huân tập thiền quán niệm hơi thở, thở vào và thở ra với chánh niệm. Pháp môn này, khi được chuyên cần hành trì đến sung mãn, sẽ mang lại nhiều lợi lạc và thành quả lớn.”

Buổi thiền tập của Rāhula không mang lại thành quả nào bởi chú quá bối rối phân vân: Đức Thế Tôn và vị thầy giáo thọ – Trưởng lão Sāriputta – ban cho chú hai đē mục thiền quán hoàn toàn khác nhau.

Vì Đức Thế Tôn thường dạy về tầm quan trọng của việc vâng lời vị thầy giáo thọ, chú quyết định thực tập quán niệm hơi thở và tự nhủ sẽ xin Đức Thế Tôn thêm lời chỉ dẫn cho đē mục này.

Chiều hôm đó, sau khi rời chỗ tọa thiền, Rāhula tìm đến Đức Phật, đánh lễ Ngài và thưa:

“Bạch Thế Tôn, làm thế nào để huân tập quán niệm hơi thở? Chuyên cần hành trì như thế nào để có thể đạt được nhiều lợi lạc và thành quả lớn?”

Biết rõ ý muốn của Rāhula lúc ấy nhưng Đức Bổn Sư không lập tức thỏa mãn ước vọng này.

Trước khi có thể lèo lái con tàu đến nơi trú ẩn an toàn, những chỗ nứt rỉ nước nguy hiểm cần phải được bịt lại đến khi dứt hẳn. Vì vậy Ngài không trả lời ngay câu hỏi của chú mà trước tiên Ngài khai triển lời dạy vắn tắt đã ban cho chú sáng nay về quán sắc và các uẩn khác.

Ngài như vị lương y trí tuệ bỏ ngoài tai ý muốn của bệnh nhân và bắt buộc bệnh nhân trước tiên phải uống liều thuốc cần thiết nhất. Uống xong liều thuốc này rồi bệnh nhân mới được chữa y.

Đức Phật hướng dẫn cho Rāhula phương pháp hành trì thiền vipassanā⁷⁰, quán sát từng yếu tố tứ đại⁷¹ và hư không⁷² với minh sát tuệ rằng: “Pháp này không phải của ta, pháp này không phải là ta,

⁷⁰ Thiền Minh Sát Tuệ

⁷¹ Tứ đại: địa đại (như tóc, lông, răng, da, thịt...), thủy đại (như mật, đờm, máu, mồ, mồ hôi...), hỏa đại (như thân nhiệt, như cái gì khiến cho thiêu cháy hoặc tiêu hóa...), phong đại (như hơi thở vô, hơi thở ra, gió trong ruột...)

⁷² Hư không không phải là một đại nhưng là yếu tố tạo sắc (như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng...)

pháp này không phải là tự ngã của ta.” Từ đó thấy biết được tánh vô ngã của ngũ uẩn thủ.

Với chánh kiến này vị hành giả không còn luyến ái và tham chấp tâm thân giả tạm, không ngã mạn khi thấy thân tướng mình oai nghiêm, đẹp đẽ. Từ đó sẽ sanh nhàm chán và đoạn ly thân ngũ uẩn, thanh lọc mọi ô nhiễm trong tâm, và chấm dứt mọi khổ đau.

Rồi Đức Bốn Sư nhấn mạnh sự quan trọng của tâm quân bình, an nhiên và khuyến khích Rāhula trưởng dưỡng tâm này bằng cách quán chiếu để thanh lọc tâm theo hạnh của tứ đại và hư không:

“Này Rāhula, con hãy tu tập theo hạnh của đất. Dầu cho trên đất người rải những chất thanh sạch thơm tho hay quặng những thứ dơ bẩn hôi thối như phân, nước tiểu, đờm, máu, mủ, đất cũng thân nhiên, không vui mừng cũng không sợ hãi, tủi nhục, hay chán ghét. Cũng như vậy, khi con phát triển thiền quán theo hạnh của đất, bất cứ cảm thọ nào sanh khởi sẽ không thể dẫn dắt và chiếm giữ tâm con⁷³.

⁷³ Do thọ làm điều kiện, ái sanh khởi (thọ duyên ái). Nhưng khi không còn ô nhiễm ngũ ngàm trong tâm thì dù có cảm thọ, ái sẽ không sanh khởi. Ái không còn sanh khởi thì vòng luân hồi bị phá vỡ, tái sanh và khổ đau chấm dứt.

“Con hãy tu tập theo hạnh của nước. Dầu cho trong nước người ta rửa đồ tịnh sạch hay rửa những thứ ô uế, nước cũng thân nhiên, không vui mừng cũng không sợ hãi, tủi nhục, hay chán ghét. Cũng như vậy, khi con phát triển thiền quán theo hạnh của nước, bất cứ cảm thọ nào sanh khởi sẽ không thể dẫn dắt và chiếm giữ tâm con.

“Con hãy tu tập theo hạnh của lửa. Dầu cho lửa đốt vật tịnh hay đốt vật bất tịnh, lửa cũng thân nhiên, không vui mừng cũng không sợ hãi, tủi nhục, hay chán ghét. Cũng như vậy, khi con phát triển thiền quán theo hạnh của lửa, bất cứ cảm thọ nào sanh khởi sẽ không thể dẫn dắt và chiếm giữ tâm con.

“Con hãy tu tập theo hạnh của gió. Dầu cho gió thổi vật tịnh hay thổi vật bất tịnh, gió cũng thân nhiên, không vui mừng cũng không sợ hãi, tủi nhục, hay chán ghét. Cũng như vậy, khi con phát triển thiền quán theo hạnh của gió, bất cứ cảm thọ nào sanh khởi sẽ không thể dẫn dắt và chiếm giữ tâm con.

“Và này Rāhula, con hãy tu tập theo hạnh của hư không. Ví như hư không không bị quản thúc tại một chỗ nào, cũng như vậy, khi con phát triển

thiền quán theo hạnh của hư không, bất cứ cảm thọ nào sanh khởi sẽ không thể dẫn dắt và chiếm giữ được tâm con.”

Rồi Đức Phật chỉ dẫn thêm các cách đối trị các trạng thái tâm bất thiện:

“Này Rāhula, con hãy tu tập tâm Từ để đối trị sân tâm. Hãy tu tập tâm Bi để đối trị ác tâm. Hãy tu tập tâm Hỷ để đối trị bất lạc tâm⁷⁴. Hãy tu tập tâm Xả để đối trị hận tâm. Hãy tu tập quán bất tịnh để đối trị tham ái. Hãy tu tập quán vô thường để đối trị ngã mạn.”

Sau cùng Ngài giảng giải về pháp quán niệm hơi thở mà Đại đức Sāriputta đã khuyên Rāhula nên thực hành:

“Này Rāhula, con hãy tu tập pháp niệm hơi thở. Đến một khu rừng, một góc cây, hay một nơi vắng vẻ, ngồi kiết già, lưng thẳng, và an trú trong chánh niệm. Tỉnh giác theo dõi và biết rõ hơi thở vào hay ra, dài hay ngắn, toàn bộ từ đầu đến cuối một hơi thở.”

Rồi Ngài dặn phải chú tâm trên cả bốn niệm xứ: thân, thọ, tâm, pháp. Chuyên cần quán niệm

⁷⁴ Bất lạc tâm: tâm phần nộ và không hoan hỷ theo niềm vui của người khác vì ganh ghét, đố kỵ.

hơi thở như vậy để huân tập niệm và định.

Nếu tu tập pháp môn này đến viên thành thì sẽ được tỉnh giác an nhiên lúc thở hơi cuối cùng trước khi chết.

Với lời ấy đáng Từ Phụ kết thúc bài pháp. Sa di Rāhula hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn giảng dạy.

Trong những năm sa di Rāhula mười tám tuổi cho đến hai mươi tuổi, Đức Bổn Sư còn giảng giải cho chú thêm ba bài kinh kệ ngắn sau đây.

Thứ nhất là KINH RĀHULA trong Tăng Chi Bộ Kinh⁷⁵. Đây là một bài pháp ngắn Đức Phật giảng giải cho sa di Rāhula về pháp hành thiền minh sát tuệ với đề mục là tánh vô ngã của tứ đại, tương tự như một phần của Đại Kinh Giáo Huấn Rāhula trong Trung Bộ Kinh ở trên.

Thứ hai là KỆ RĀHULA trong Kinh Tập⁷⁶, gồm tám bài kệ về các giới đức và tâm tư cao quý của một vị sa môn phạm hạnh mà Đức Phật thường lặp đi nhắc lại nhiều lần cho Rāhula nghe để giáo huấn và hướng dẫn:

⁷⁵ Tăng Chi Bộ Kinh *Āṅguttara Nikāya*, AN 4:177

⁷⁶ Kinh Tập *Sutta Nipāta*, Kệ 335-342, Sn 2.11

Đức Thế Tôn:

Thường kê cận bậc trí,
 Thầy có khinh ghét không?
 Người soi đuốc thế nhân,
 Thầy có tôn kính không?

Rāhula:

Thường kê cận bậc trí,
 Con không có khinh ghét.
 Người soi đuốc thế nhân,
 Con một lòng tôn kính.

Đức Thế Tôn:

Đoạn dục lạc ngũ trần
 Khả ái và quyến rũ,
 Với niềm tin vững chắc
 Vào con đường giải thoát,
 Hãy xuất gia tu tập,
 Để chấm dứt khổ đau.

Hãy thân cận bạn lành,
 Chọn trú xứ xa vắng,

Cô tịch, và an tĩnh.
 Hãy tri túc độ thực.

Y, bát, và vật dụng,
 Cùng sàng tọa, chỗ ở,
 Chớ tham ái nắm giữ,
 Chớ lui về thế tục.

Hãy nghiêm trì giới bổn,
 Và thu thúc lục căn.
 Hãy chuyên quán niệm thân,
 Huân tập tâm nhàm chán⁷⁷.

Hãy tránh xa sắc tướng
 Đẹp dễ gợi ái dục.
 Hãy chuyên quán bất tịnh,
 Đạt nhất tâm, định tĩnh.

Hãy quán niệm vô tướng,
 Đoạn ngã mạn ngủ ngầm.
 Do tận diệt ngã mạn,
 Thầy sẽ được sống trong
 An tịnh cao thượng nhất⁷⁸.

⁷⁷ Nhàm chán thân

⁷⁸ An tịnh của thánh quả

Thứ ba là KINH TƯƠNG ƯNG RĀHULA, *Rāhula Saṃyutta Sutta*⁷⁹. Bài kinh gồm hai mươi hai pháp thoại ngắn qua đó Đức Bôn Sư hướng dẫn cho sa di Rāhula phương pháp hành trì thiền quán (*vipassanā*) để chuẩn bị tâm cho thánh quả trí tuệ và giải thoát cao quý nhất. Bài kinh này vì vậy có phần tương tự như Tiểu Kinh Giáo Huấn Rāhula trong Trung Bộ Kinh được Đức Phật thuyết cho Sa môn Rāhula trước khi chứng đắc quả vị A-la-hán (sẽ được trình bày ở đoạn sau.)

Hai mươi hai pháp thoại này đều được Đức Phật giảng dạy ở tịnh xá Jetavana, khi Rāhula đến đánh lễ Bôn Sư và hỏi xin đề mục hành thiền:

“Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con để sau khi nghe pháp ấy con có thể sống một mình trong an tịnh, nỗ lực và tinh cần thiền tập.”

Đáp lời thỉnh pháp Đức Bôn Sư lần lượt dạy Rāhula quán Tam Tướng – vô thường, khổ và vô ngã – của lục căn⁸⁰, lục trần⁸¹, lục thức⁸², ngũ

⁷⁹ Tương Ưng Bộ Kinh *Saṃyutta Nikāya*, SN 2.18

⁸⁰ Lục căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý

⁸¹ Lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp

⁸² Lục thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.

Lục thức là các nhận thức phát sanh từ sự tiếp xúc giữa căn và trần

uẩn⁸³, tứ đại, rồi dạy quán tham ái, quán ngã mạn ngũ ngâm, và sau cùng là quán viễn ly các pháp giả tạm, bất thiện này để thấy được lý duyên sinh, đoạn tận chấp thủ, thoát vòng sanh tử.

Cứ như vậy, hạ này sang hạ nọ, Đức Thế Tôn hết lòng giáo huấn Rāhula qua từng lứa tuổi và từng giai đoạn trưởng thành tâm ý của đứa con ruột thịt và cũng là người con sa môn đang theo bước Thầy trên con đường giải thoát. Mỗi khiển trách, mỗi khuyên nhủ, mỗi pháp thoại, mỗi lời kệ Ngài ban đều phát xuất từ lòng từ bi vô lượng và đại chánh trí, khéo léo và có hiệu quả do thích hợp với căn cơ.

Cũng như vậy, Đức Phật hết lòng giảng dạy, nhiếp phục và hóa duyên không ngừng nghỉ cho mọi chúng sanh hữu duyên ở bên Ngài được theo về Chánh Pháp. Tất cả đều là con của Ngài. Tất cả đều là con của Phật. Lời giáo hóa có khi khác biệt vì căn cơ những người con có khác biệt, nhưng lòng từ bi của Ngài như những hạt mưa trong mát từ trời rơi đều xuống ruộng đồng, không phân biệt ruộng lúa hay đồng cỏ.

⁸³ Ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc = thân. Thọ, tưởng, hành, thức = tâm

Và người con hữu duyên hữu phước Rāhula đã không hề phụ lòng đấng Từ Phụ. Ngài luôn luôn tinh tấn tu tập theo lời Đức Phật hằng nhắc nhở, khuyên nhủ hàng Tăng chúng:

“Hãy nỗ lực chuyên cần tiên tu Tam Học – Giới Định Huệ.”

Mỗi ngày qua, nắm cát mà chú sa di nhỏ Rāhula đã hằng dậy thật sớm, bóc lên tay rồi tung lên và nguyện rằng: “Ngày hôm nay ta sẽ học được nhiều lời dạy của các thầy như bao nhiêu cát đây” mỗi nhiều hơn, bát ngát như cát trên sa mạc.

Thấm thoát đã mười ba năm từ ngày vị hoàng tử nhỏ Rāhula xuất gia, lìa bỏ cung vàng điện ngọc, theo đấng Từ Phụ sống đời sa di phạm hạnh. Tu tập nếp sống sa di là giai đoạn chuẩn bị cho người xuất gia muôn thọ giới cụ túc, tức giới bốn của một vị tỳ khưu. Đức Phật chế định tuổi tối thiểu để được thọ giới cụ túc là hai mươi tuổi.

Nay Rāhula lên hai mươi tuổi và được Đức Phật cho thọ cụ túc giới. Năm ấy nhằm hạ thứ mười bốn của Đức Thế Tôn.

Sa môn Rāhula tiếp tục nỗ lực tiên tu, tinh tấn hành thiền, kiên trì đoạn trừ những chướng ngại tâm cuối cùng mà Đức Bốn Sư hằng chỉ dạy. Năm

Sa môn Rāhula hai mươi mốt tuổi, một năm sau khi thọ giới tỳ khưu, đại đức được Đức Bốn Sư thuyết giảng Tiểu Kinh Giáo Huấn Rāhula, *Cūḷā-Rāhulovāda Sutta*.

Trong bài kinh này một lần nữa Đức Bốn Sư dạy Rāhula quán chiếu *mười tám giới* (lục căn, lục trần, lục thức) và ngũ uẩn. Do quán chiếu các pháp chịu điều kiện⁸⁴ này mà thấy được thực tánh vô thường, khổ và vô ngã cũng như thấy được pháp duyên sinh⁸⁵ của chúng. Thấy được như thế thì vị hành giả đoạn diệt tham ái, phá vỡ vòng luân hồi, thành tựu sự giác ngộ giải thoát của tầng thánh cao quý nhất.

TIỂU KINH GIÁO HUẤN RĀHULA⁸⁶

Hôm ấy Đức Phật ngụ ở Sāvatti, tại Jetavana, tịnh xá của Anāthapiṇḍika. Trong lúc Ngài đang tĩnh tọa trong cốc vắng và rải từ tâm quán chiếu căn cơ của chúng sanh thì ý nghĩ sau khởi lên trong tâm đáng Từ Phụ: “Các pháp đưa đến giác

⁸⁴ Các pháp hữu vi

⁸⁵ Thập nhị nhân duyên

⁸⁶ Trung Bộ Kinh *Majjhima Nikāya*, MN 147 – trích yếu

ngộ giải thoát⁸⁷ đã thuần thục, chín muồi trong tâm Rāhula. Như Lai sẽ hướng dẫn Rāhula để sáng tỏ thêm các pháp hành trì mà đoạn tận ô nhiễm lậu hoặc cuối cùng.”

Rồi Đức Phật dạy Rāhula theo Ngài vào lâm viên Andha thanh vắng và ngồi xuống bên Ngài.

Đức Phật hỏi:

“Này Rāhula, con nghĩ thế nào – mắt⁸⁸ là thường hay vô thường?”

“Bạch Thế Tôn, là vô thường.”

“Cái gì vô thường là khổ hay lạc?”

“Bạch Thế Tôn, là khổ.”

“Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?’”

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

“Con nghĩ thế nào – sắc⁸⁹ là thường hay vô thường?... Nhãn thức⁹⁰ là thường hay vô thường?... Nhãn xúc⁹¹ là thường hay vô thường?... Do duyên

⁸⁷ Gồm ba mươi bảy yếu tố cần thiết dẫn đến đạo quả giải thoát giác ngộ, còn gọi là Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo hay Ba Mươi Bảy Bồ Đề Phần: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất giác chi, và Bát Thánh Đạo

⁸⁸ Mắt: thuộc lục căn

⁸⁹ Sắc: thuộc lục trần

⁹⁰ Nhãn thức: thuộc lục thức

⁹¹ Nhãn xúc: sự gặp gỡ, tiếp xúc của mắt (căn), sắc (trần), và nhãn thức

nhãn xúc này mà khởi lên thọ, tưởng, hành, thức⁹²; các pháp được khởi lên ấy là thường hay vô thường? ”

“Bạch Thế Tôn, là vô thường.”

“Cái gì vô thường là khổ hay lạc?”

“Bạch Thế Tôn, là khổ.”

“Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?’ ”

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

“Cũng như vậy với tai, mũi, lưỡi, thân, ý... Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?’ ”

“Thưa không, bạch Thế Tôn.”

“Do thấy vậy, này Rāhula, vị thánh đệ tử biết rõ và nhàm chán tất cả các pháp được khởi lên ấy. Do nhàm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát.

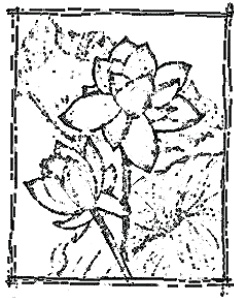
“Với tuệ giác chứng đạt, vị ấy biết rõ rằng: ‘Ta đã giải thoát.’ Và vị ấy biết: ‘Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.’ ”

Đúng như Đức Thế Tôn đã thấy biết trước với

⁹² Thuộc ngũ uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức

tuệ tri của một vị Phật, “các pháp đưa đến giác ngộ giải thoát đã thuần thực, chín muồi trong tâm Rāhula.” Sau pháp thoại, Đại đức Rāhula chứng đắc thánh quả a-la-hán.

Đó chính là giây phút Đức Thế Tôn, đấng Giác Ngộ, bậc Vô Thượng Sư, trao truyền cho Rāhula toàn bộ gia tài mà người con trai đã hỏi xin cha năm xưa. Đó là Pháp Bảo – một di sản quý giá, thiêng liêng, và cao thượng nhất mà một người cha có thể ban cho đứa con của mình!



MỘT VỊ ĐỆ TỬ XUẤT GIA TỐI THẮNG

Trưởng Lão Tăng Kệ (*Theragāthā*) có ghi lại những lời kệ ngài Rāhula đã thốt lên khi suy tư đến hai đại phước lành đã được thọ hưởng trong kiếp sống này: thứ nhất, được sanh làm con của Đức Phật; thứ hai, do được duyên lành theo bước đấng Từ Phụ trên con đường giải thoát mà đạt quả giác ngộ a-la-hán.

Do hai phước duyên lành
 Từ hai đường thọ sanh
 Mà thiện trí gọi ta
 “Rāhula hữu phước”:
 Sanh làm con Đức Phật,
 Và sanh vào dòng Thánh
 Tri kiến Bốn Chân Lý⁹³.

Các lậu hoặc đoạn tận,
 Gốc sanh hữu không còn.
 A-la-hán cao thượng,
 Có đầy đủ Tam Minh,
 Thấy được quả Bất Tử,
 Ta xứng được cúng dường.

⁹³ Tứ Diệu Đế

Như cá đang mắc lưới
 Là những ai mê mờ
 Bị đục làm mù quáng,
 Lưới tà kiến bao trùm,
 Khát ái phủ màn che,
 Ma phóng dật⁹⁴ trôi buộc.

Ta đoạn tận dục ấy,
 Cắt dây Ma Vương trôi,
 Nhỏ gốc rễ khát ái,
 Tịch tịnh, ta giải thoát.

(Thag. 295-298)

Đức tánh và phẩm hạnh của một bậc đã chứng thánh quả a-la-hán thường được Đức Phật tán thán. Đức hạnh của Đại đức Rāhula, sau khi đắc quả vị a-la-hán, cũng đã được Đức Bôn Su tán thán trong một lần thuyết pháp khi Ngài ngụ tại tịnh xá Jetavana ở Sāvatti.

Đây là tích chuyện Māra khuấy phá Đại đức Rāhula xảy ra tám năm sau khi đại đức đắc quả vị a-la-hán cao thượng⁹⁵.

Một lần nọ có rất nhiều chư Tăng trưởng lão từ

⁹⁴ Ma Vương (*Māra*)

⁹⁵ Chú giải Kinh Pháp Cú, Phẩm Tham Ái, Kệ 351-352, Câu Chuyện Māra

các phương xa về tịnh xá Kỳ Viên để đánh lễ Đức Thế Tôn. Để chừa vị tỳ khưu có đủ nơi yên nghỉ về đêm, Đại đức Rāhula nhường chỗ của mình và ra ngủ ở ngoài cửa hương thất của Đức Phật.

Vào khuya, khi thấy Đại đức Rāhula nằm ngủ ngoài hương thất, Māra biết vị sa môn này là con của bậc Toàn Giác nên nảy ý muốn gián tiếp chọc ghẹo Ngài bằng cách khuấy phá con của Ngài.

Nghĩ vậy Māra bèn hiện hình thành một con voi to lớn, lấy vòi quấn chặt đầu Đại đức Rāhula, và rống lên những tiếng kêu quái dị để hù dọa đại đức. Thế nhưng đại đức vẫn bình thản an nhiên, không mảy may kinh động.

Ở trong hương thất nhưng Đức Phật biết được sự việc này nên nghiêm trang nói với Māra:

“Này Māra gian ác, dù có cả một ngàn kẻ như người đến khuấy phá cũng không thể nào làm con của Như Lai kinh khiếp. Rāhula không sợ hãi, đã đoạn diệt tham ái, là bậc tỉnh giác và trí tuệ.”

Rồi Đức Phật nói lên hai bài kệ sau khiến Māra biết rằng bậc Chánh Biến Tri đã biết rõ sự gian trá hiểm độc của mình nên biến mất:

Ai tới đích⁹⁶, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô

⁹⁶ Đó là chứng đắc quả vị a-la-hán

Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng⁹⁷.

Ái lìa, không chấp thủ.
Cú pháp khéo biện tài
Thấu suốt từ vô ngại,
Hiểu thứ lớp trước sau.
Thân này thân cuối cùng
Vị như vậy được gọi,
Bậc đại trí, đại nhân.

(Dhp. 351-352)⁹⁸



Ngài Rāhula sống đời xuất gia khát sĩ phạm hạnh và ẩn dật.

Ngài dạy rằng:

“Sở dĩ có cây sālā phát triển sung mãn, xanh tốt, thân cây chọc thủng lên trời cao một trăm hắc tay, xòe tán rộng vững chãi, cành nhánh to mạnh, lá xanh tốt tươi – là vì rễ nó đâm sâu trong lòng đất, vươn dài trong đất đến một trăm hắc tay!

“Bậc hành giả tu tập cũng vậy, muốn đạt được

⁹⁷ Do đã vượt thoát vòng sanh tử luân hồi

⁹⁸ Kinh Pháp Cú (*Dhammapada*), Hòa thượng Thích Minh Châu dịch

thành quả cao siêu thì cũng phải đâm sâu vào lòng đất, vươn dài trong lòng đất. Đất ấy chính là ở nơi chỗ thanh vắng, có đức tin, nội tâm trong sạch và an tĩnh vậy.”⁹⁹

Ngài Rāhula có hạnh thanh lặng, và đối với các bậc trưởng thượng và huynh đệ đồng môn thì thật khiêm cung, nhu thuận. Ngài chỉ để lại bốn kệ được ghi lại trong Trưởng Lão Tăng Kệ. Ngoài ra không chi tiết nào trong Tam Tạng Pāli nói về việc trưởng lão thuyết pháp, hướng dẫn Tăng chúng, giáo huấn môn đồ, hoạt động hoằng pháp, hay luận đàm với ngoại đạo. Sự kiện này phần nào có lẽ là chủ ý của ngài Rāhula vì, là con của Đức Bổn Sư, ngài dè dặt và cẩn thận không muốn một vai trò nổi bật hay một uy danh nào.

Tuy luôn luôn khép mình khiêm cung, lặng lẽ trong hàng huynh đệ tỳ khuru, ngài Rāhula được Đức Thế Tôn xếp chung vào hàng đệ tử xuất gia tối thắng về phẩm hạnh hay trí tuệ¹⁰⁰, khen ngợi đại đức là **“đệ nhất trong hàng đệ tử tỳ khuru về nhiệt tâm thiết tha học đạo và trì giới (*sikkhākāma*)”** do hạnh ham tu, chuyên cần tu tập,

⁹⁹ Trích Kinh Mi Tiên Vấn Đáp (*Milindapañha*), Mil. 191. Trong Kinh này (xuất hiện vào khoảng năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt), lời dạy trên được cho là của ngài Rāhula nhưng không tìm thấy trong Tam Tạng Pāli.

¹⁰⁰ Phẩm Người Tối Thắng trong Tăng Chi Bộ Kinh, *Etadagga Vagga*, AN 1:14

nghiêm trì giới luật và oai nghi chánh hạnh, và vâng lời giảng dạy của các bậc trưởng thượng trong Tăng chúng.

Pháp hành của ngài Rāhula còn được gián tiếp tán thán trong Kinh Mi Tiên Vấn Đáp¹⁰¹:

“Cái kèn sở dĩ được phát ra thành tiếng, thành âm thanh trầm bổng là tùy thuộc vào hơi gió của người thổi. Nói cách khác, cái kèn không thể tách rời hơi gió thổi, hơi gió thổi không thể tách rời cái kèn.

“Phàm sa môn tu hành giải thoát cũng y như thế, sa môn hạnh phải được dính chặt, không được buông lơi pháp hành. Nói cách khác, vị tỳ khuru là pháp hành, pháp hành là vị tỳ khuru. Cái kèn không thể rời hơi gió, rời hơi gió thì cái kèn không có âm thanh. Sa môn hạnh mà rời pháp hành thì không thể gọi là sa môn.

“Đúng như Đại đức Rāhula đã thuyết: ‘Là tỳ khuru trong hàng ngũ sa môn, phải lấy pháp hành làm y chỉ, cả ngày lẫn đêm đừng rời khỏi pháp hành, phải tinh tấn để tăng trưởng và hoàn thiện pháp hành của mình.’”¹⁰²

¹⁰¹ Mil. 184

¹⁰² Theo Kinh Mi Tiên Vấn Đáp, lời dạy trên được cho là của ngài Rāhula nhưng không tìm thấy trong Tam Tạng Pāli.

LỜI KẾT

Trưởng lão Rāhula qua đời trước Đức Bôn Su và trước ngài Sāriputta, nhưng chi tiết về thời gian và hoàn cảnh trưởng lão viên tịch không được tìm thấy trong kinh điển Pāli.

Ngày Hoàng tử Rāhula chào đời có phần thảm lặng và thoáng buồn, không như ta thường thấy với những chào đời khác của hàng vương giả, bởi vì sự chào đời của ngài là “sợi dây trời buộc” đã rút ru tư vào lòng người cha hiền trí, Thái tử Siddhattha, lúc hay tin. Và đó cũng là ngày thái tử quyết định xuất gia.

Ngày Sa môn Rāhula lìa đời, ngày ngũ uẩn tan rã của một bậc hoàn toàn giải thoát, cũng thảm lặng, không dấu vết ghi lại trong kho tàng kinh điển. Có lẽ đó là sự lựa chọn của một vị thánh tăng với hạnh sống thanh lặng do đã được thọ hưởng hai đại phước lành trong kiếp sống này: được sanh làm con của Đức Phật và được duyên lành theo bước đấng Từ Phụ trên con đường giải thoát mà đạt quả giác ngộ a-la-hán.

Thế nhưng giữa hai ngày tương chừng như thắm lặng ấy là muôn mối duyên lành và phước báu cho chúng sanh.

Đó là vì “sợi dây trời buộc” Rāhula chính là một mối duyên lành thôi thúc thái tử Siddhattha phải quyết định xuất gia ngay ngày hôm ấy. Nó như thêm một hồi chuông cảnh tỉnh, một tiếng trống lệnh giục giã cho Ngài biết giờ đã đến để từ bỏ đời thế tục, ra đi mở lối con đường thoát khổ cho chúng sanh.

Đó là vì giới đức thanh tịnh và nỗ lực tiến tu của ngài Rāhula, từ lúc còn là chú sa di bảy tuổi đến ngày viên tịch, đã để lại trong lòng những ai được kề cận hay biết đến ngài bao nhiêu là niềm kính mến và gương khuyến tu.

Đó là vì hạnh thình lặng của chú sa di Rāhula khi thắm lặng đi vào phòng vệ sinh của Đức Thế Tôn và tạm trú qua đêm ở đấy đã khẽ chạm và làm rung động trái tim chúng ta. Rung động ấy không chỉ do giới hạnh trong sạch của ngài mà còn do mối liên hệ phụ tử thiêng liêng, mật thiết mà thanh khiết vô ngần đã bằng bạc ẩn chứa trong hình ảnh một người con tìm đến kề cận nương náu trong vùng không gian an lành của cha mình.

Đó là vì hành động Đại đức Rāhula nhường

tịnh cốc của mình cho huynh đệ sa môn và ra ngủ ở ngoài cửa hương thất của Đức Phật không chỉ phản ảnh hạnh khiêm cung và lòng bi mẫn của đại đức mà, một lần nữa, còn tiềm ẩn thâm tình phụ tử khi người con về nương tựa nơi vị cha lành.

Hành động ấy không khởi sinh từ tâm luyện ái thường tình của chúng sanh để rồi tạo nghiệp và thọ quả trong tương lai. Hành động ấy xảy ra với tâm đạo của một vị thánh a-la-hán. Vị a-la-hán, bậc hoàn toàn giải thoát, không còn tham ái và vô minh, không còn dính mắc vào sự hiện hữu nào cả nên không còn tích lũy nghiệp mới nữa, như lời Đức Phật dạy:

“Không có dấu chân trong hư không. Như con chim bay không bao giờ để lại vết chân, bậc đã giải thoát hoàn toàn không lưu lại dấu vết.”

Hương của bậc đức hạnh ấy đã lan khắp mọi phương trời, vượt cả thời gian, để đến hơn hai ngàn năm trăm năm sau còn tỏa thơm bát ngát cho chúng sanh được tiếp tục thọ hưởng mỗi khi đọc trang kinh, lời kệ, hay những mẫu chuyện về cuộc đời của ngài.

Hương các loài hoa thơm
Không ngược bay chiều gió;
Gỗ đàn hương, gỗ trầm,
Và hoa lài cũng thế;

Nhưng hương bậc đức hạnh
 Ngược chiều gió tung bay.
 Hương của bậc đức hạnh
 Tỏa khắp mọi phương trời.

(Dhp. 54)¹⁰³

Đức hạnh ấy và thánh quả a-la-hán có lẽ là những cúng dường cao quý nhất, ý nghĩa nhất mà ngài Rāhula đã kính dâng lên đấng Từ Phụ để đền đáp ân đức sanh thành và giáo huấn trên con đường giải thoát.



Xưa kia khi Hoàng tử Rāhula xin cha gia tài, Đức Phật đã nghĩ rằng: “Con muốn gia tài của cha, nhưng tài sản trong thế gian mong manh và đầy phiền não. Như Lai sẽ trao cho con bảy tài sản cao quý của bậc thánh mà Như Lai đã thành đạt dưới Cội Bồ Đề. Như Lai sẽ hướng dẫn và hỗ trợ cho con làm chủ một gia tài siêu thế.”

Có những gia tài vô cùng cao quý được ban cho

¹⁰³ *Dhammapada* Kinh Pháp Cú, Phẩm Hoa, kệ 54

nhưng nếu người đón nhận với phàm tâm tham ái thì sẽ không bao giờ có thể thọ lãnh trọn vẹn. Với thánh tâm cao thượng lúc đạt đạo quả a-la-hán, Sa môn Rāhula đón nhận trọn vẹn gia tài siêu thế mà đấng Từ Phụ kính yêu đã trao truyền.

CÚNG DƯỜNG TAM BẢO

Imāya Dhammā'nudhamma-paṭipattiyā
Buddhaṃ pūjemi.

Imāya Dhammā'nudhamma-paṭipattiyā
Dhammaṃ pūjemi.


Imāya Dhammā'nudhamma-paṭipattiyā
Sanghaṃ pūjemi.

*Con xin cúng dường Đức Thế Tôn
bằng sự hành đạo.*

*Con xin cúng dường Pháp Bảo
bằng sự hành đạo.*

*Con xin cúng dường Tăng Bảo
bằng sự hành đạo.*

PHƯƠNG DANH CHƯ TĂNG NI VÀ PHẬT TỬ HÙN PHƯỚC ẤN TỔNG

 Kỳ Viên Tự * Thích Ca Thiền Viện * Đại Niệm Xứ
Thiền Viện * Diệu Nhân Thiền Viện * Quán Pháp Thiền
Viện * Chùa Tam Bảo Florida *

 Huỳnh Liên Như * Lê Thị Huệ (Thụy Sĩ) * Lê Hữu
Lộc (Thụy Sĩ) . Thanh Nga * Bùi Tre . Diệu Mỹ * Trần
Mình Lợi * Hương Lương Hồ * Mai Anh . Nhuận * Bích
Liên * Phong . Yên * Huệ Từ * Đồng Quý * Thoa * Như
Hà * Quế Phương MN * Nguyễn Hoàng Susila * Hồ Cẩm
Tú * Nguyễn Trâm * Trần Nụ * Nam . Trang * Võ Thị
Nhiều * Bàn Hải * Lê Ý Đức (Toronto) * Võ Thắng .
Quỳnh Như * Hứa Kim Hoa * Annie Banh * Quách Ngọc
Đông (NC) * Lâm Hoa * Quách Kim Liên * Trần Nguyên
Diệu Thu * Nguyễn Trí . Thủy * Bùi Thúy Chi . Quán Đích
* Trần Phượng Liên * Phạm Kevin * Trần Trung * Điền
Trang * Lương Duyên . Uyên . Toàn (GA): hồi hướng
hương linh Lương Ngọc An * Dương Như Liên: hồi hướng
hương linh Nguyễn Văn Xiêm * Vũ Hằng Hiếu: hồi hướng
ngài Công Sophan & ngài Kim Triệu * Thùy Dương . Dân .
Kim: hồi hướng hương linh Dhammika Nguyên Cung *
Thùy Anh . Baili: hồi hướng hương linh Trần Đại Khâm *
Lương Thuyên . Chi (GA): hồi hướng Lương Ngọc Tâm *
Trần Khiêm . Từ Thảo: hồi hướng hương linh Nguyên
Cung & hương linh Trần Ngọc Ánh * Nita Truitner: hồi

hướng Hòa thượng Khippapañño * Nguyễn Hoàng Anh (IL): hồi hướng hương linh Sư Chơn Mỹ; hương linh Nguyễn Văn Thịnh p.d. Chánh Niệm, hương linh Lý Thị Chính p.d. Diệu Thành, hương linh Nguyễn Việt Hùng p.d. Giác Dũng, hương linh Ralph Sanchez p.d. Quảng Giác * Ann Ly * Ngô Hải Vân * Trần Tươi * Cao Anh Thư * Đào Thiệu . Kim Hường (VA) * Huỳnh Thanh Sơn * Hoa Schrag * Kim Thu (Niệm Xứ TV) * Hà Phùng Spilman * Trần Bạch Liên * Nguyễn Hoài Thi * Lê Nga * Trần Thùy Trang * Karuna Metta * Lê Duyên * Quách Ngọc * Ngọc Duyên Christine * Sư Cô Diệu Ngọc . Sư Cô Diệu Thiện * Nguyễn Linh * Nguyễn Quỳnh * Nga Vy (TX) * Phạm Hạnh * Trần Tấn . Ngọc Anh * Liên Phan: hồi hướng hương linh Phan Tú * Sư Cô Daya (WA) * Lê Thanh Hồng * Phan Thị Vui * Hương Đạo * Tường Lam * Như Hoa * Lê Văn Anh . Nguyễn Thị Phát * Dương Thị Ánh . Dương Ngọc Dung . Dương Hồng Hoa & các con (VA) * Sư Cô Thuần Tuệ . Sư Cô Thuần Tĩnh (DN) * Hoàng Trang . Hoàng Anh Kiệt p.d. Không Tuyên . Mai Thị Tùng p.d. Như Bá * Trần Nam . Vương Hiền (TX) * Oanh Lê: hồi hướng hương linh Lê Nguyên Toàn, hương linh Phan Văn Cao * Minh Đức . Trinh: hồi hướng hương linh Sư Nguyên Cung * Hồng Lâm * Kim Behan (CO): hồi hướng ngài Bhikkhu Bodhi * Sư Hộ Pháp * Kim Thu (FL): hồi hướng Thiên Sư Kim Triệu (Đại Niệm Xứ TV) * Võ Sơn . Vân (VA) * Hoa Đức * Cúc Weirich * Trang Anh . Lê Thị Huỳnh (TX) * Cô Lan * Brandon Thi-Chương * Ben Thi-Nguyên * Diệp Chương . Diệp Tạ * Nuôi Bùi (Quán Pháp TV) * Diệp Nguyễn * Hoa Đức * Mai Trương . Bảo Châu * Tịnh Tâm * Nguyễn Ngọc Lan * Leno . Mallika (Mai Thân

. Kim Thân - Úc) * Nguyễn Thị Nhiễu (Úc) * Lê . Minh .
 Diệu Mẫn (Úc) * Trần Quốc Khánh (Úc - hồi hướng Trần
 Kim Anh, tự Hai Chiếu) * Gia đình Nguyễn Thành Nhân
 (Úc) * Nguyễn Đạm Trang (TX) * Tâm Thủy . Huy Võ *
 Tịnh Tâm * Nguyễn Hoàng Yến (IL) * Nguyễn Khoa Diệu
 Trang * Quảng Thanh . Andy Trần * Diệu Thiện * Võ Thị
 Thúy * Kỳ Phương (TX) * Mai Trương. Bảo Châu *
 Nguyễn Lương Duyên . Diệu Min * Hoàng Lệ Chi * Hoàng
 Lệ Giao p.d. Tâm Thanh * Lê Hoàng Anh Thy p.d Quảng
 Diệu * Nguyễn Quang Vĩnh * Phạm Minh Anh * Cẩm Linh
 * Sư Cô Tịnh Thanh (FL) * Châu . An (FL) * Nguyễn
 Đăng Thành * Lê Thị Vân Anh * Bùi Nuôi (MO) * Hồng
 Lâm * Quảng Nhơn Nguyễn Toàn * Hoàng Lệ Chi .
 Hoàng Lệ Giao . Lê Hoàng Anh Thy * Ann Oanh Thạch *
 Đặng Trần Phương . Vinh * Cô Năm Hợi * Phụng . Liêm
 Sophie * Ngô Hòa: hồi hướng hương linh Ngọc Châu * Sư
 Thiện Viên * Sư Trạch Pháp * Sư Cô Viên Thành * GĐ
 Mỹ Trân Kusala * Tâm Trần (MN) * Vy Huỳnh (MN) *
 Ann Trần (MN) * Văn Vũ (MN) * Xuân Vũ (MN) * Trác
 Kim Lê (MN) * Chí Như Huỳnh (MN) * Tiên Diệu Phúc
 (MN) * Elizabeth Moran (MN) * Mai Nguyễn (MN) * Diệu
 Hạnh * Sư Cô Diệu Pháp * Diệu Thuần * Diệu Tịnh *
 Minh Tâm * Đoàn Trung Nghĩa * Phạm thị Nga * Đoàn
 Trung Hiếu * Đoàn Mỹ Trang * Phi Kim Lưu *

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Nguyện cho tất cả chúng sanh
Cùng chia trọn vẹn phước lành hôm nay
Nguyện cho tất cả từ đây
Luôn luôn an lạc, duyên may mọi miền

Nguyện cho chư vị Long Thiên
Trên trời dưới đất oai thiêng phép màu
Cùng chia công đức dày sâu
Hộ trì Chánh Pháp bền lâu muôn đời

Sadhu! Sadhu! Sadhu!

Lãnh thay! Lãnh thay! Lãnh thay!

Liên Lạc và Thỉnh Sách

THÁP HÒA BÌNH • SANTI STUPA
1180 Roberts Avenue, San Jose, CA 95122
(408) 977-1808

THÍCH CA THIỀN VIỆN
SAKYAMUNI BUDDHIST MEDITATION ASSOCIATION
15950 Winters Lane, Riverside, CA 92504
(951) 780-5249

KỶ VIÊN TỰ • JETAVANA VIHARA
VIETNAMESE-AMERICAN BUDDHIST ASSOCIATION
1400 Madison Street NW, Washington, DC 20011
(202) 882-6054

TÂM PHÁP THIỀN VIỆN
SADDHAMMA MEDITATION SOCIETY
574 Willow Brook Road, Bumpass, VA 23024
(804) 556-6162

ĀNANDA THIỀN VIỆN
ĀNANDA MEDITATION CENTER
1661 W. Cerritos Avenue, Anaheim, CA 92802
(714) 603-7333

ĐẠI NIỆM XỨ THIỀN VIỆN • MAHĀSATIPATṬHĀNA
VIETNAMESE-AMERICAN BUDDHIST ASSOCIATION (VABA)
24821 US Highway 27, Leesburg, FL 34748
(352) 801-1671

QUÁN PHÁP THIỀN VIỆN
600 NW 65th St, Kansas City, MO 64118

SÁCH ẨM TỔNG

For Free Distribution

*Printed by POPYRUS
1437 Monterey Hwy
San Jose, CA 95110
Tel: (408)971-8843
email: papyrusqt@yahoo.com*